TRẦN THANH MẠI

ĐỜI VĂN

TRONG

TỦ SÁCH PHÊ BÌNH

TÂN VIỆT

SÁCH NÀY IN TẠI NHÀ IN THỤY-KÝ NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG CÓ IN RIÊNG 6 BẢN BẰNG GIẤY VERGÉ BOUFFANT GIÁ 4$00 MỖI BẢN — 10 BẢN BẰNG GIẤY LỤA DÓ GIÁ 6$00 MỖI BẢN — 3 BẢN BẰNG GIẤY VERGÉ REGISTRE GIÁ

8$00 MỖI BẢN

TRẦN THANH MẠI

ĐỜI VĂN

TRONG

TỦ SÁCH PHÊ BÌNH

TÂN VIỆT

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN

Trông giòng sông Vị

Tuy lý Vương

SẮP XUẤT BẢN

Đời Văn quyền II (*Tân-Việt*)

Ngô vương Quyền

TÌM SỰ THẬT TRƯỚC KHI VIẾT BỘ « VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ »

Tài ứng khẩu của các bậc văn-hào, nhất là các Trạng, phải chăng là một câu chuyện bịa đặt ?

I

TRONG văn học của xứ ta, cũng như trong ngàn vạn môn khác, sự tra-cứu những việc đã chôn sâu dưới thời-gian chẳng những là khó khăn mệt nhọc, mà lại còn mơ-hồ chếch mác, không thể cho ta chắc rằng ta đã núm được sự thật hay là hãy còn lầm. Và như thế, vì ta không có đủ sách vở đích xác, không có bút-tích rõ ràng.

Muốn hiểu một việc gì thuộc về đời xưa, ta phải cần dùng đến lý-trí mà suy nghiệm so sánh. Cái gì đã ghi chép lại mà ta xét cho là có lý, là có thể có được thì ta tin có. Còn cái gì mà ta cho là vô lý, không thể hợp với lẽ thật tự nhiên, thì dầu có ai bảo thế nào đi nữa, ta cũng chẳng nên tin, vì nó

đã không thể nào có được thì không bao giờ nó có.

Vả chăng, các nhà bác-học Âu-Tây, những bậc sử-ký-gia, cũng như những nhà địa-chất-học, cổ vật-học v.v... đều dùng phương pháp lý-luận ấy mà tìm sự thật trong đám tối tăm mù mịt của thời-gian.

Trong văn-học của ta, hoặc là người ta khẩu truyền từ xưa đến nay, hoặc là có thấy trong sử-ký ; cho đến mấy năm gần đây, trong những sách biên chép văn-thơ đã đua nhau xuất-bản, ta đều thấy có nói đến cái tài ứng-khẩu lanh lợi và thần-tình của lắm văn-hào, và nhất là của mấy Trạng-nguyên đi sứ bên nước Tàu, cái nước nhờ đó mà nảy nở ra nền văn-học hồi bấy giờ.

Theo những lời tán tụng trong sách, sử ấy thì nào là nhờ ông Trạng-nguyên này uốn ba tấc lưỡi mà cả văn-nhân tài-tử nước Trung-Hoa phải kính phục, trở sợ lại cái nước Nam nhỏ xíu của mình ; nhờ ông Trạng-nguyên kia làm một bài « thơ bèo » nho nhỏ chơi, mà đuổi lui cả hàng trăm vạn tinh-binh của quân bên kia cửa ải Nam-quan tràn xuống. Danh vọng thật ! Như thế làm gì mà người Nam ta chẳng dương-dương tự-đắc, làm gì mà khi đọc đến lịch-sử và

văn-nghiệp của những vị « anh-hùng cứu-quốc » một cách gián-tiếp, khỏe khoắn, chẳng hao một giọt máu, chẳng nhọc một chút công ấy, thì ngoài sự tôn-sùng mấy Trạng kia như những vị thần thánh, ta chẳng hỉnh lỗ mũi to bằng thúng.

Đích đáng lắm! Nước Nam ta, cái giải áo của cái áo nguyên là nước Tàu kia, học đòi theo họ, cái gì cũng chịu sút thua, mà bao giờ đến những cuộc đấu-trí cũng hơn được cả, thì còn gì vẻ vang bằng, còn gì hân hạnh bằng?

Song cái chỗ hơn ấy mới thật đáng để cho ta ngờ chớ? Ta thử tự hỏi như thế này: « Nếu như mình bịa đặt ra những câu chuyện ấy để mà chơi?... ».

Câu hỏi ấy, không phải là vu-khoát. Ta hay đem phương-pháp lý-luận đã nói ở trên dùng mà viện chứng.

Ta sẽ lấy từng truyện, và lần lượt bác những cái vô lý đi.

Bắt đầu hãy nói về Trạng Nguyễn-Hiền, vì có lẽ đó là ông Trạng xưa nhất (đời Trần-thái-Tôn).

Sử chép rằng: Năm lên bảy tuổi, Hiền đang chơi ở ngoài đường với nhiều trẻ khác, lấy đất sét làm voi, bắt đỉa làm vòi rồi để

lên mình cua cho bò đi như voi sống. Một ông quan nom thấy đọc lên rằng :

— *Đồng tử ngũ lục nhân, vô như nhĩ xảo !*

Hiền bèn hỏi ông là quan gì, thì ông trả lời : « Ta là quan Thái-Thú, ăn lương ngàn hộc ». Thoạt mới đến đây, ta đã thấy cái ngu của người chép sử, hay là người bịa ra chuyện này rồi. Đời thuở nào có ông quan u mê đến thế ? Người ta hỏi quan gì, nói xong thì thôi, chứ ai còn hỏi gì đâu nữa mà khai ra ăn ngàn hộc với vạn hộc ? Nhưng chẳng thế thì làm gì thằng bé bảy tuổi kia ứng-khẩu ngay được :

— *Thái-Thú nhị thiên thạch, mạc nhược công liêm !*

Thế là không kể cái láu cá của nó khi nó giấu chữ « Liêm » ở cuối câu, chưa chịu nói, để xin tiền đã (ăn mày) và nếu như ông quan không cho thì nó sẽ thế chữ « Bần » vào. Bảy tuổi, cái tuổi ngây thơ, vô tội, mà biết xỏ lá !

Đến khi Hiền đỗ Trạng - Nguyên (12 tuổi) vua không cho làm quan, bảo về nhà học lễ đã. Một đấng Trạng - Nguyên đứng đầu một nước thi-lễ như nước Nam mà còn phải đuổi về nhà học lễ, thì Trạng cái gì ? Đến khi sứ Tàu qua đố bài thơ chữ « Điền », cả nước ai

cũng chịu, mới phải cho người đi triệu Hiền về giải. Sứ giả đến làng quê Trạng gặp một thằng bé, đọc ngay một câu :

Tự 字 là chữ, cất giàng đầu : chữ Tử 子 là con, con ai đó ?

Hiền ứng khẩu đối ngay :

Vu 于 là chưng, bỏ ngang lưng : chữ Đinh 丁 là đứa, đứa nào đây ?

Thì té ra đời xưa họ gặp nhau là ra câu đối để người kia đối lại, như đời bây giờ mình bắt tay chào mà hỏi : « Ông có mạnh giỏi không ? — Cám ơn, còn ông thì sao ? » ấy. Cái đời thuần cả tao-nhân mặc khách, từ Trạng-Nguyên đến sứ-giả có khác.

Kể thì câu đối cũng hay thật, hay vô cùng, tài tình vô cùng. Song bảo rằng không nghĩ cho nát óc ra, chỉ ứng khẩu ngay mà xác như thế, mà sâu độc như thế, như là đã thuộc lòng đâu từ trước thì phỏng ai còn tin được, huống hồ là đối với một thằng bé trên đầu chưa sạch bã !

Cái câu chuyện thần-đồng kia bao giờ cũng chỉ là chuyện « để mà chơi » thôi !

Đến như Trạng Mạc-Đĩnh-Chi ! Mạc-Đĩnh-Chi lại càng « ghê » hơn nữa, tuy ông không phải 12 tuổi mà đỗ Trạng-Nguyên.

Ông đi sứ Tàu, gặp ai cũng một cách chào

bằng câu đối như thế cả, mà toàn câu đối chiết-tự mới tài cho.

Những câu đối ấy nhiều lắm, và chép lại cũng nhảm, vì nó toàn một tính-cách « xỏ lá vặt » với nhau cả, bên này châm bên kia, bên kia chích lại, cũng xác đáng lắm, cao xa lắm, nhưng chính vì thế mà bảo chỉ nói đi đáp lại như là nói chuyện thì cũng như bảo viết mà chỉ để bút lên giấy rồi tự nhiên chữ nó lồi ra sắp đặt đầy trang, hay là bảo chạy một trăm dặm mà chỉ bỏ chân xuống đất là tới nơi ! Vì tư-tưởng của người ta, tuy tốc-lực của nó hơn điện-khí, nhưng cõi của nó là vô-cùng, vô tận, nên cũng cần đến thời-giờ. Nếu quả thật mấy ông Trạng có cái óc tài tình như thế, sao chẳng thấy ông nào phát-minh lấy một học-thuyết gì, một chủ-nghĩa gì, chớ đừng nói đến những công cuộc kinh-thiên động-địa về khoa-học nữa. Chả có lý một cái óc như thế, mà suốt đời, năm sáu bảy tám mươi năm, mà chỉ được năm ba câu đối, một vài bài thi mà thôi. Như thế thì chậm quá, chớ lanh cái gì đâu !

Sử lại chép : Khi vua Tàu thân-hành sát hạch ba Trạng : Annam, Cao-ly và Nhật-bổn, ra bài luận lấy cây quạt làm đề, thì Mạc-Đĩnh-

Chi chịu, làm không được. Ông bèn liếc sang bên Trạng Cao-Ly, trông cái đầu mút quản bút ông ta nhúc nhích mà đoán ra ông ấy viết gì ! Thế rồi ông cứ theo đó mà bàn, mà tán, mà tô điểm thêm, đến nỗi bài ông «*Lưu Kim Thước Thạch, Thiên Địa Vi Lô*» được chiếm nhất.

Một ông Trạng đi đâu ứng đối tức thời như mưa sa gió táp, mà không làm nổi bài thơ cây quạt, phải đi «cóp» (Thật là cái giống An-nam từ thằng cu lớp sáu đời nay lên đến ông Trạng đời xưa cũng chỉ tài có một môn : đánh cắp). Mà đánh cắp làm sao? Liếc trông đầu quản bút người ta nhúc nhích mà biết !

Nhưng trong khi người ta còn tin ông Trạng họ Mạc đi tiện ra phần hình vuông thì cũng khó mà nói cho ra lẽ phải !

Bây giờ nói chuyện trạng Quỳnh.

Các sách xưa chép rằng khi sứ Tàu qua nước ta phong vương cho Lê-thuần-Tôn, vua sai Trạng Quỳnh ra nghênh-tiếp. Quỳnh lại mang theo cả cô Thị-Điểm ra lập quán nước bên đường mà đợi sứ đến!

Thị-Điểm mặc *áo lượt mỏng* (đó là đặc điểm quan trọng lắm) để lộ màu da mơn mởn, đến nỗi sứ Tàu thấy chọc một câu rằng :

— *Nam bang nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.*

Nhưng Thị-Điểm đã đọc tiếp ngay :

— *Bắc quốc đại-trượng-phu, dai do thử đồ xuất.*

Có sách chép rằng : «Sứ Tàu bị xỏ đau, đỏ mặt, cút mất». (!) (Văn-Đàn Bảo-giám Nam-kỳ).

Ông Ôn Như Nguyễn văn Ngọc phê-bình rằng :

«Nhanh trí khôn lắm là Thị-Điểm, tài tình lắm là câu đối của Thị-Điểm ! Ra ngay đấy, đối liền ngay đấy, tuy là một câu đối tầm thường, nhưng cũng đủ khiến cho người đất Bắc phải thất đảm mà phục người đất Nam, dầu chỉ là một cô con gái bán hàng nước mà hay chữ đến bực ấy ! Nước Nam ta không dám chọi với Thượng-quốc về cái gì cả. Nhưng được vài câu đối chọi cả ý cả văn, như đối này cũng gọi là một cách chọi, mà chọi hơn người vậy». (Nguyễn văn Ngọc-Việt văn thư xã).

Song ta thử xét câu chuyện ấy có thiệt hay không đã, chớ đừng nên tự đắc vội ! Xem đó thì ra Thị-Điểm, chẳng những ứng

đối được liền một câu hay ho như thế mà thôi, mà lại còn *đoán biết trước cái câu của sứ Tàu nữa*, không thế sao lại mượn cách ăn vận lõa lồ ấy làm gì?

Làm thế là *để gợi cho anh sứ Tàu nói câu ấy ra*, như thế tỏ ra là đã biết trước cả hai câu, thì chẳng những Thị-Điểm không tài gì cả, mà cả chuyện ấy cũng là vô lý, chuyện láo! Thế mới biết cái thằng cha đặt hai câu ấy ra, muốn cho hay, mới bày vẽ thêm chuyện, nhưng mà bất thông, nó lòi cái ngu, cái gian dối ra, và cả cái ác nữa, vì hắn bắt Thị-Điểm đóng vai một con đĩ, chứ có phải là một cô hàng nước đâu?

Muốn nói cho hết lý, một viên sứ Tàu, một vị khâm-mạng, đại diện cho hoàng-đế nước Tàu qua phong vương cho vua nước Nam mà vua lại chỉ sai một ông cống-sinh (Trạng Quỳnh chỉ đỗ cống sinh) xưa nay đã nổi tiếng là láu cá, với một con đĩ ra mà nghênh tiếp thôi. Mà một vị Khâm-sai đi đến đâu là không có công quán, biệt dinh để đình-trú, lại vào làm gì trong cái chòi khổ, như là một tên lính «mạch lô» ở bể mới lên. Để đến nỗi bị cô hàng nước «nhà thổ» ấy chích

cho một mũi đau đớn mà cút! Cút đi, thì công cán Khâm sai đành bỏ cho ai, và ấn kiếm của vua Tàu ban qua vứt đi đâu cả?

Lại còn câu chuyện qua đò nữa. Lần ấy viên sứ Tàu lỡ trôn, rồi muốn chữa thẹn, đọc câu « Lôi động nam bang ». Thế mới có cớ để cho Trạng-Quỳnh ra mũi thuyền.. tiểu tiện mà đối lại :

« Thủy lưu Bắc-hải ».

Cái đời thuở gì hay quá! Những nước lễ nghi như nước Tàu và nước Nam, mà cả Khâm-sai, cả Trạng nguyên thi nhau những đều thô-tục ghê tởm của bố cu mẹ đĩ ở nhà quê, và đối đáp với nhau như thằng quýt, con sen, hàng tôm chợ cá!

Đến chuyện Trạng Giáp Hải.

Sử chép : « Khi Mạc-đăng-Dung tiếm ngôi, bên Tàu sai Mao-bá-Ôn sang đánh úp nước ta. Bá-Ôn đến Nam-quan, làm bài thơ bèo đưa sang trước xem có ai họa nổi không...»

Thơ như vầy :

Mọc theo ruộng nước nhỏ như châm
Rễ bám nơi nào cũng chẳng thâm
Nào có căn miêu, nào có diệp,
Dám sinh chi tiết, dám sinh tâm,
Tụ rồi đã chắc không khi tán?

Nỗi đó nào hay có lúc trầm?
Đến độ chiều trời phong khí ác
Quét về hồ bể hẳn khôn tầm!

Đây là bản dịch của Nam phong tạp chí. Sở dĩ tôi chỉ chép bản dịch, là vì tôi muốn cho tất cả độc giả có thể tự nhận lấy cái hay dở ở trong.

Mạc-đăng-Dung sai Trạng Giáp Hải họa lại. Bá-Ôn xem bài thơ họa, biết nước Nam có người tài (gớm!) không dám đánh nữa, rút quân về. Ta thử đọc bài họa ra thế nào mà có cái giá trị « cứu quốc » đến thế:

(Vẫn bản dịch của Nam phong)

Mau ken vẩy gấm khó luồn châm
Cành rễ liền nhau mọc rất thâm
Tranh với bóng mây trên thủy-diện
Há dung vừng nhật lọt ba-tâm,
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ
Muôn trận phong xuy cũng chẳng trầm
Nào cá, nào rồng trong ấy ẩn
Cần câu Lả-Vọng biết đâu tầm!

Ấy đó: Bài thơ như thế mà một viên đại-tướng nước Tàu, trong tay cầm muôn, vạn hùng binh, sang cốt để « *đánh úp* » nước ta, đọc đến mà phải sợ, phải lui quân trốn về! Trốn về thì lão Bá-Ôn cũng đến nước phải xẻ thịt ra, cất bài thơ ấy vào, may

lại cho kỹ đã, kẻo sợ rơi rớt thất lạc đi, để đem về mà trình cho vua chúa nhà nó, để chứng cứ sự lui binh của mình, rồi cả triều đình nhà nó đọc đến thơ cũng thất đảm giật mình thon thót lên, phải chịu là tài, là giỏi, là thần thông. Không có thế thì cái đầu của ông đại-tướng văn võ kiêm toàn kia cũng khó lòng mà ở lâu trên cổ.

Nước Tàu có ngu đến bực ấy không ?

Các anh đồ khổ nhà ta, nhai đi nhai lại ba cái truyện Tàu cho lắm, rồi cứ tưởng việc tề-trị một quốc gia, chinh phạt một dân tộc, cũng như là đồ chơi như chuyện của Lý-thái-Bạch dịch thơ mọi Hồ và chuyện Chung-vô-Diệm đánh cờ với con khỉ ! Họ không biết rằng không bao giờ mà vận mạng của những sơn hà xã tắc lại có thể nằm trong một câu đối hay một bài thơ ! Chảy từng sông máu, chất từng núi xương, mà còn chưa giải-quyết được vấn đề quan trọng ấy, chớ đâu phải một trò múa rối hay một cách đánh đỏ đen bằng con thò lò.

Sử còn chép chuyện nhiều Trạng nữa, như bọn Phùng-khắc-Khoan (học-trò của Trạng Nguyễn-bỉnh-Khiêm) Trạng Me, Trạng Ngọt v.v...

Thế là không kể các Trạng « hạng nhì »

như Trạng Lợn (Dương-đình-Chung) Trạng Ăn.....và Trạng Cóc đấy.

Tóm lại, theo những lời suy nghiệm ở mấy đoạn đầu, tôi không bác cái « nhân-vật » của các ông ấy, tôi không nói là không có Nguyễn bỉnh-Khiêm cũng như tôi vẫn nói Mạc-đỉnh-Chi là có thật. Nhưng tôi bảo những câu ứng khẩu tài tình, cho đến những chuyện đấu trí hơn người ấy đều là chuyện bịa đặt cả. Tôi dám quả quyết nói không có, là vì nó vô-lý, nó không thể có được. Đó chẳng qua là năm ba anh đồ không việc nằm khàn đặt ra — rồi muốn cho được lưu truyền lại lánh mình đi mà phao lên rằng của ông kia, bà nọ.

Một lý nữa là xét đến tình trạng của nước Nam ta trong hồi ấy, yếu hèn ở bên một nước cường thịnh, ngày ngày run sợ như con chiên đứng bên con cọp, thường năm phải cống hiến không sai, nói tắt một chữ là cái gì cũng chịu thua sút họ, tất nhiên phải sanh ra tâm-lý tự an ủi lấy mình, như cái tâm lý anh học trò đói kia tự bảo người quân tử ăn không cần no vậy. Muốn để quên cái thẹn trăm món trăm thua của mình, mình đặt để ra những câu chuyện đấu chiến về tinh thần kia *để mà sung sướng với nhau,*

mà tự cao, tư đại với nhau.

Lại hoặc nữa những câu hay ấy một người nào đặt ra, thiên hạ đua nhau truyền tụng, đời này sang đời khác, rồi sau chỉ nhớ có những câu ấy, chớ quên hẳn cái tên của người đặc ra nó, bởi vì người ấy không phải là một bậc danh tiếng gì. Song, con người ta là giống đa sự, hay là một giống có nghĩa, biết ơn. Đọc một câu nghe hay, ngâm một bài thấy cảm là muốn biết đến tác giả của nó, chẳng để làm gì khác hơn là sùng bái ngợi khen. Thế rồi họ nghĩ đến các văn nhân có tài mà danh còn lưu lại, rồi bài nào có khí-tượng đế vương thì cho là của vua Lê-thánh-Tôn, câu nào lãng-mạn lẳng-lơ thì cho là của Hồ-xuân-Hương, câu nào có vẻ sâu xa rắc rối tài tình thì họ bảo của Trạng nầy, Trạng nọ. Cũng vì thế mà ta thấy lắm bài hoặc lắm câu có tính cách thô bỉ, ô tục, nó bảo cho ta biết rằng đó là cái ảnh hưởng của bộ óc quê mùa, thô-lỗ của bọn thường dân, nhất là của hạng quần lê về thời đại bán khai — đó là cái kết quả của nhiều người, ở nhiều đời cùng đặt.

Xem thế thì biết rằng những câu, những bài mà xưa ta vẫn tưởng là của ông này bà nọ không phải chính ở bộ óc họ sinh

ra ; cho nên sự chỉ tên dẫn truyện như xưa nay người ta đã làm trong những sách văn học, thật chẳng những còn hàm hồ vị quyết mà chắc là sai lạc nhiều phần nữa.

Đó là điều khó khăn cho ai sau này sẽ viết bộ toàn-sử về văn-học nước nhà, vì không biết mở đầu quyển sách ấy vào thời đại nào với những nhà thi-sĩ, văn-hào nào và không biết có nên cho những bài văn, câu đối ấy vào một hạng với ca dao tục ngữ, tức là cái sở-hữu chung của nhân dân một xứ, chớ không phải riêng của một người nào.

1933.

TÌM SỰ THẬT TRƯỚC KHI VIẾT BỘ « VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ »

II

ĐỌC bộ « Văn-Đàn bảo-giám » tôi rất lấy làm lạ rằng lắm nhà chép sách, có học thức rộng, có thiên tư nhiều, như các ông Trần-Trung Viên, Trần-Tuấn-Khải, Dương-Bá-Trạc v.v.. mà lại đi nói — hay là chịu để cho người ta nói — những điều huyền hoặc vô lý, mà một người thường chỉ cần có chút lý-trí suy-nghiệm, thoạt trông qua đã biết ngay rồi. Thế mà người thì sao-lục, người thì đính chánh, kẻ thì đề tựa, chẳng ai trông thấy cái chỗ hoang đường, vì họ tin những sự hoang đường ấy là chuyện thật cả rồi !

Nên kể ngay tội của họ ra đây.

Sử sách xưa của ta, có chép nhiều chuyện hư vô như chuyện hồn oan quỉ hiện, vì hồi

ấy chưa ai biết khoa-học là gì, và cứ tưởng lầm rằng âm dương nhất lý, nên người chép sách ghi chép lấy những chuyện ấy mà cũng cho cùng một giá-trị với chuyện thường.

Đến nay khoa học đã tràn khắp hoàn cầu, ở xứ ta, dù chưa mở mang chi lắm, ít ra nó cũng đủ sức để đánh đồ các chứng mê tín dị đoan. Thế mà bọn ông Trần Trung-Viên, nghiên cứu về văn-học sử thấy những chuyện phi-lý, không thể có ấy, vẫn tin là có thật, rồi, chẳng để bụng thì chớ lại còn làm sách, in bán, làm mê-hoặc thêm lòng quốc dân, trong khi cái hư-thuyết âm-dương đối với họ đương còn phân vân chưa định.

Có người quá hăng tính bảo các ông ấy là dí mũi vào trong đám sách cũ, tìm được cái gì có liên lạc đến văn-học là chộp ngay, sưu tập lại, như người đi tìm vàng, nhặc đến cả cát, dù biết những chuyện ấy là chuyện láo, họ cũng nhắm mắt lôi ra, cốt để gom góp cho dày sách, bán cho đắt tiền.

Lời trách ấy cũng khi quá đáng. Nói cho phải, bản tâm các ông ấy, tôi chắc không là vì lợi. Chỉ vì những bộ óc các ông quá « xưa » quá « cũ » để chịu nổi một « cuộc cách-mệnh tinh-thần » tôi muốn nói để bỏ sự tôn cổ không đáng đi, để biết cách suy

nghiệm, cách chia những đều có lý riêng những đều không có lý, dù những đều ấy do những bậc thánh hiền nói ra cũng vậy.

Lại còn một lẽ nữa là các ông quá yêu chuộng những văn-liệu xưa ấy, cho nó là những « quốc-túy, quốc hoa » (bài tựa của ông Dương-bá-Trạc). Đó chính là cái tâm lý của kẻ si-tình, đến yêu ai thì chỉ thấy cái hay của người ấy, chớ không bao giờ chịu nghĩ rằng người ấy cũng có thể có tật xấu, cho đến có ai mách bảo giùm, thì cũng bác bừa đi chẳng chịu nghe. Các ông quá ham mộ sùng bái những tác giả của những bài cổ-văn (1) ấy, mà không nỡ bỏ đi. Các ông có biết đâu rằng bao giờ một điều gì hoang đường thì nó mất cả giá trị dù nó là quốc-tuý, quốc hoa.

Ông Nam-Ký có viết rằng : « Dám mong đồng bào sẵn lòng hoan nghênh thì dưới suối vàng các bậc danh-nho cũng được thỏa dạ » (Văn-đàn bảo-giám, quyển I)

Xem thế thì đủ biết các ông tin thuyết âm dương đến bực nào ! Các ông mê-tín đến bực nào !

(1) Nhưng mà chắc chi những kẻ các ông sùng bái đó đã chính là tác giả thật (Xem lại bài trước) Lời ký-giả.

Tuy nhiên, không những chỉ riêng bọn ông Trần-Trung-Viên mới mê-tín. Chỉ có thế thì còn may lắm, và bài này cũng không cần có ! Song một số người rất lớn trong nước, hiện bây giờ, đều còn tin chạ như vậy. Tôi có đem chuyện những tay « anh chị » trong tuồng chớp ảnh câm hồi trước như chuyện chàng « Robert Cross » « Người kỵ-mã không đầu » « Đi công cán qua xứ thú-dữ » v.v... kể cho một đôi ông cụ nghe. Họ cười tôi trẻ con. Họ bảo : « Mấy bợm ấy nào đã biết đằng-vân như Đại-Thánh, độn-địa như Trương-Khuê, để đi cứu tình-nhân, có tiện không ».

Đó là một cái hại lớn, ta không thể bỏ qua được. Cho nên tuy bài này mới trông qua tưởng là để công kích bọn ông Viên, nhưng kỳ thật nó chỉ đáng là một bài phi-lộ, một tờ hịch gởi chung cho tất cả ai là người đồng bệnh với ông Viên. Ông này chẳng qua chỉ có cái tội là nói to lên những đều mà người khác nghĩ thầm trong óc. Mà cái tội nói to, nhiều khi chính là một cái công, một cái tài đấy !

Tôi chép ra sau này những bài vô ý thức đã nói ở trên :

Sách Văn-Đàn Bảo-Giám, quyển II, ở trang

105, kể rằng khi Hạng-Vương chết rồi, vua Hán-Cao-Tổ làm cho một miếu thờ ở bên sông Ô-Giang. Miếu ấy linh lắm. Ghe thuyền qua lại phải lên lễ đốt vàng hương, không có phải chìm. Mạc-đĩnh-Chi đi sứ Tàu, qua đó không dừng lại. Quả nhiên một trận phong ba nổi lên, toan đắm thuyền. Mạc ra trước mũi, ngâm một bài thơ, tức thì gió im sóng lặng. Thơ rằng :

Quân bất quân hề, thần bất thần,
Như hà miếu mạo tại giang tân !
Giang đông tích nhật do hiềm tiểu,
Hà tích thiêu tiền bách vạn cân ?

Ý chê Hạng-Võ : « Vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, sao mà có miếu thờ ở bờ sông. Ngày trước cả Giang - đông còn cho nhỏ. Bây giờ chứa chất tiền đốt cho nhiều để làm gì ? »

Ông Trần-trung-Viên chua rằng : « Miếu ấy, từ đó mất thiêng. Sau ai đi qua cũng không phải ghé thuyền vào bến như trước nữa. Ý chừng Hạng-Võ bị mấy câu mắng đó, đã biết xấu hổ rồi chăng ? Xem thế đủ biết như Hạng-Võ lúc sống khỏe « muôn người khôn địch » (nói láo) lúc chết lại thiêng, thế mà có mấy câu thi của cụ Mạc mà phải mất hết nhuệ-khí anh hùng».

Cùng ở trang đó lại có chuyện này:

Vương-Bột làm hai câu phú «Thu thủy cọng trường thiên nhất sắc, lạc hà dữ cô vụ tề phi» không thấy vua khen, tức lắm, sau chết ở Động-đình-Hồ, khi trăng thanh gió mát, người ta thường nghe trong hồ có tiếng ngâm hai câu thơ ấy luôn. Mạc-đĩnh-Chi (đã lại Mạc-đĩnh-Chi! cái ông này e đi chu du khắp nước Tàu chứ chẳng chơi!) qua đó nghe chuyện bảo rằng: «Vương-Bột dốt thế thực đáng chết» (Trạng...Cóc!) rồi ông bỏ hai chữ «Cọng» 共 và «Dự» 與 đi, tức là hai chữ nối, không quan trọng gì, mà có nó câu văn càng nghe kêu. Thế mà bảo người ta dốt đến đáng chết đi được! Ông Trần-trung-Viên chua rằng: «Từ đó nơi Động-đình-Hồ đêm khuya không nghe tiếng ngâm hai câu ấy nữa, ý chừng Vương-Bột đã biết mình dốt hơn sứ Annam chăng?»

Làm một cái gì, mình cho hay, người ta không cho hay, mà tức đến chết đi, nếu phải như thế thì trong hoàn cầu, bất luận thời-đại nào, ở xã-hội nào, những kẻ tài-năng lỗi-lạc đua nhau chết không biết bao nhiêu mà kể; hoặc là, để đổi cách nói, từ xưa tới nay, từ đông sang

tây, nếu mình chưa thấy ai vì tức như thế mà chết cả, là chỉ vì thiên-hạ toàn là người rgu cả, mới chỉ có một mình Vương-Bột chết mà thôi! Không hiểu sao bọn ông Trần-trung-Viên lại... chưa chết?

Lại tiếp liền theo hai câu chuyện kể trên (trong một trang) câu chuyện này đề là «Giải oan».

Một cô gái hàng nước (lại cứ hàng nước thật chán cho người mình khi nào cũng tưởng bao nhiêu cô hàng nước đều là Nữ-Trạng-nguyên cả) thấy một anh học trò theo đuổi mình hoài, bèn ra một câu đối như vầy, đối được mới chịu lấy: «Ngân bình kiên thượng tỉ» (bình bạc có mũi trên vai). Người học trò đối không được, thẹn quá nhảy, xuống giếng tự tử rồi hiện hồn lên ghẹo người qua đường, và luôn luôn người ta nghe dưới giếng tiếng ngâm câu «ngân bình kiên thượng tỉ» (thối vang ra đấy, chớ hay ho gì mà ngâm). Mạc-đĩnh-Chi qua đó —(vâng ạ! lại ông ấy nữa đấy!) Mạc-đĩnh-Chi qua đó nghe chuyện bảo rằng:

— Câu dễ như thế, đối không được mà phải ngậm oan nơi đáy giếng. Thôi để ta giải oan cho!

Rồi ông đối lại rằng: «Kim tỏa phúc trung tu» (Khóa đồng có râu trong bụng) Từ đó oan hồn tan đi không hiện lên nữa.

Truyện này thật chẳng khác một tí nào với chuyện của ông Ôn-như Nguyễn-văn-Ngọc nói về anh học trò ở nhà ngoài, nửa đêm muốn vào với vợ, gọi cửa vợ ra câu đối, đối được mới mở: (ôi! quốc hồn, quốc túy của ta sao mà nó như bát cơm nếp nát, chỉ nghe hoài cái câu chuyện đối đáp này, và bây giờ còn phải kể lại nữa, e đến bỏ cơm trong ba ngày mà chưa hết ớn) Đối rằng: «Bán dạ tam canh bán» (nửa đêm nửa canh ba). Anh học trò đối lại không được lại nhảy xuống giếng tự-tử, hóa ra một con chim chèo bẻo, đêm ngày đậu trên đọt cau kêu: «bán dạ tam canh bán, bán dạ tam canh bán!» Sau có ông quan nghe chuyện mắng là đồ dốt, đọc rằng: «Trung thu bát nguyệt trung» (giữa mùa thu, giữa tháng tám) tự khắc con chim ở trên đọt cau rơi xuống chết tươi. (Ôn-như Nguyễn-văn-Ngọc — Đông-Thanh Tạp-chí số 7).

Tôi không cần nói đi nói lại cái chỗ hư-vô tà my ấy. Riêng tự nó, nó đủ chứng tỏ sự không có của nó rồi!

Nay tôi chỉ xin lấy một chỗ rất thường, chỉ cần một chút trí thông minh là thấy ngay rằng những chuyện này là không thể có được: xin nói ngay là cái chỗ giống nhau của nó.

Trên kia chắc các bạn độc-giả đã nhận thấy rằng tôi rất chú ý đến sự liên tiếp nhau trong các chuyện của ông Viên đã chép. Đó là một tiểu-tiết tối ư quan - trọng. Nếu mỗi truyện ấy nằm ở mỗi sách riêng nhau, không có cái gì dính-líu để cho mình so sánh thì còn có thể bỏ qua, không chú ý được. Chớ nó nằm trong một sách, ở trong một trang của một người thuộc lòng lấy nó mà kể lại, thì cái người ấy phải dốt lắm mới không thấy rằng nó giống nhau như một.

Xin hỏi; trong những hoàn cảnh khác nhau trong những thời gian khác nhau, trong những trường hợp khác nhau, mà chỉ có một người chủ-động (Mạc-Đĩnh-Chi) mà lại xảy ra luôn ba chuyện giống nhau như một, thì có lý gì cho những chuyện ấy là chuyện thật không?

Ví-dụ: Tôi đi chơi. Tôi gặp một người, vì mất một điếu thuốc lá mà tự-tử (khoan cười đã) bằng cách nhảy xuống giếng. Tôi cứu.

Trong câu ấy có năm điều đặc sắc: 1) là

tôi đi chơi. 2) là mất điếu thuốc lá. 3) là tự tử. 4) là tự-tử ở giếng. 5) là tôi cứu được.

Lần khác tôi lại đi chơi. Bảo rằng còn gặp người đi tự-tử, vì chán đời, vì giận vợ, mà tôi lại cứu được nữa, thì đã hơi khó nghe rồi, nhưng cũng cứ tin đi. Chớ đến nói người kia lại đi tự-tử vì cũng mất điếu thuốc lá nữa, thì hỏi còn ai nghe được không?

Huống hồ lại bảo thêm rằng là người ấy cũng nhảy xuống giếng mà tôi lại cũng ra tay cứu được, thì người nghe chuyện cũng nên tìm một cái giếng đâu đấy nhảy xuống, mà tự-tử nốt cho xong!

Ấy là chỉ một lần thứ hai mà đã chẳng có thể tin được, phương chi đến ba lần như truyện Mạc-Đĩnh-Chi? Sao không ai chép tên cái ông quan trong truyện của ông Nguyễn-văn-Ngọc để ta xem có phải lại là Mạc-Đĩnh-Chi nữa không?

Riêng một thí-dụ hoạt kê trên này cũng đủ chỉ cho ta thấy chỗ hư vô của những chuyện kia rồi.

Đáng lẽ tôi không cần cậy đến hai luận chứng sau này nữa. Nhưng vì nó đã có sẵn rồi, nên cũng bầy ra đây luôn.

Chúng ta phải biết rằng mỗi lần mà một

ông Trạng-nguyên nào của ta qua Tàu, là đi công cán. Hành trình đã định trước, thời khắc cũng chỉ rồi, nếu rủi ra đến Kinh-đô Thượng-quốc người ta chưa muốn cho vào bệ kiến, thì chỉ phải nằm khàn ngoài quán dịch mà chờ, xong việc thì vội-vã mà về, có đâu được rảnh đi ngao du khắp cả nước Tàu như sử đã chép về chuyện Mạc-đĩnh-Chi vậy? Ai có bênh-vực cho danh-tiếng ông Trạng họ Mạc mà bảo rằng những chỗ có vết chân ông, chẳng qua là những chỗ ông phải đi qua, khi đến Kinh-thành Trung-quốc, hoặc là khi trở về nước mà thôi. Cái đó cũng dễ bác lắm. Ta cứ dở một bức họa đồ xưa của Tàu ra mà dò xem Động-đình hồ, Ô-giang, Hàng-châu, Cao-ly v. v... thì ta sẽ thấy mỗi xứ xa cách nhau hằng muôn vạn dặm mà chẳng nằm ngay giữa đường đi từ cửa Nam-quan đến Yên-kinh nào.

Lại còn một lẽ này nữa, cũng dễ thấy lắm như mấy lẽ đã bày tỏ ở trên.

Nước ta từ ngày hai nhà chính-trị Tích-Quang và Sĩ-Nhiếp đem cái văn-tự của Tàu sang dạy cho mãi đến mấy đời sau tức là hồi nhất định độc lập của các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần thì sự Hán học đã sai hẳn gốc của Tàu rồi, mà dần dần cái văn-

tự nguyên xưa đã thành một thứ văn-tự đặc biệt, chỉ có thể gọi là Hán-Việt văn-tự mà chúng ta theo lối xưa gọi là thứ « Chữ Annam ».

Một người Trung-Hoa và một người Việt-Nam muốn hiểu nhau, phải dùng đến cái lối rất phiền-phức là lối « bút đàm », vì cùng một chữ tuy viết như nhau, nhưng ta đọc khác, Tàu đọc khác. Lại rắc rối hơn thế nữa là chỉ riêng về một nước Tàu, và cũng là một chữ ấy, người Quảng-Đông đọc khác, người Triều-châu đọc khác, đến người Cao-ly lại càng đọc khác hơn nữa.

Trước cái tình-trạng ngôn-ngữ bất đồng ấy, mà bảo rằng Mạc-đỉnh-Chi, bất luận chơi xứ nào cũng ứng-đối, biện-thuyết được cả thì dù muốn nghe liều đi để cho những kẻ quá tin họ vui dạ cũng không thể nào nghe được.

Trước khi đánh chấm sau cùng cho mấy hàng nầy, tôi xin nói thêm rằng nếu trên kia tôi có nhắc đến ông Nguyễn-văn-Ngọc, là chỉ để viện thêm luận chứng mà thôi, chớ ông ấy thật là vô tội ; vì ông chỉ kể « chuyện cổ tích » nghe chơi, cũng như ông Đỗ-Thận kể chuyện Tấm Cám trong « Ấu Học Luân-Lý » mà thôi, con nít ta có dại

mà tin thì sau lớn khôn chúng nó tự nhiên không tin nữa.

Nếu như bọn ông Trần trung-Viên bảo rằng sách của các ông ấy cũng để « xem mà chơi » thì tôi không nói. Cái này, các ông cũng chán biết rằng sách của các ông nó có — nếu không phải cái giá-trị — thì cũng là cái trách nhiệm của một bộ văn-học-sử ! Các ông phải thận trọng chứ !

1933

PHẢI ĐÁNH ĐỔ NHỮNG TÀ THUYẾT CHO DẪU NÓ SÀN XUẤT TỪ MỘT NƯỚC THƯỢNG TRÍ

(Chất chính cùng Ông Trần-Trung-Viên)

TÔI không muốn nói đi nói lại nhiều lần đâu, đến tuổi đứng đắn rồi, và phải trọng độc-giả mới được, đừng nên làm nhàm tai các ngài và choán giấy trong tờ báo. Nếu ông hẳn là người vì văn học muốn nói chuyện thêm cho bổ ích xin cho tôi biết chỗ quí ngụ để bỉ-nhân đến thụ-giáo, hoặc là mời ngài lại chơi nhà tôi ở số 13 Miribel, chúng tôi vẫn sẵn lòng nghe... »

Đó là câu tái-bút của ông Cầm - đài Trần-trung-Viên phụ thêm sau bài ông viết để phản đối bài « Tìm-sự-thực... » của tôi.

Ông rồi ngài, tôi rồi bỉ-nhân, tuy cách xưng hô không duy-nhất, chúng ta cũng không phải cãi nhau về văn - pháp làm chi, mà có điều

quan-trọng đáng nói hơn.

Đọc câu của ông Viên trên này, tôi thấy hai việc : một là ông ấy không biết tôi ở Huế, sự ông ở Hanoi, mà đòi đến « thụ-giáo » tại nhà tôi, hay mời tôi « lại chơi » nhà ông, hẳn không phải dễ — để cho khỏi nói là không thể được — ; hai là ông không muốn tranh luận cùng tôi, tôi không dám nói vì ông sợ, tự bảo ông cũng như các cụ ta ngày xưa chỉ ưa tĩnh mà ghét động, ưa lặng mà ghét ồn. Chỉ có một cảm tưởng rằng sẽ gây giữa ông cùng tôi một cuộc tranh-luận, nhất là khi có công-chúng, mấy nghìn độc-giả đứng làm giám cuộc, đã đủ làm cho ông rùng mình.

Riêng phần tôi, tôi cũng không muốn tranh biện cùng ông làm chi ; chúng tôi, bởi tính tình, bởi tư-cách, bởi niên-tuế khác nhau, không thể là đối thủ với nhau được ; tranh biện với ông, tức là lợi-dụng chỗ yếu của ông. Nhưng rủi thay bài phản đối của ông chạm đến tôi thì ít, mà chạm đến chân-lý thì nhiều, nên buộc lòng tôi phải viết lại bài này chất chính (1).

(1) Khi độc-giả đọc mấy hàng này, thì hẳn ông Trần trung-Viên. cũng đã nhận được thư riêng tôi trả lời ông về những đều quan hệ đến người riêng

Trong bài « Tìm-sự-Thực... II » của tôi có đoạn như thế này :

« Tôi có đem chuyện chàng « Robert Cross » « Người kỵ mã không đầu » kể lại cho một đôi ông cụ nghe. Họ cười tôi trẻ con. Họ bảo: « Những bợm ấy nào đã biết đằng vân như Đại-Thánh, độn địa như Trương - Khuê, để đi cứu tình nhân có tiện không ? »

Ấy là tôi muốn tả bằng lối nói đùa, một cái tệ trong xã-hội ta là cái tệ hay tin bướng. Ai ngờ ông Viên trong khi biện hộ cho mình, lại đem cả một pho truyện hoang-đường từ Âu sang Á, trong ấy có cả truyện Phong-thần (tức là truyện có anh chàng độn địa Trương-Khuê mà tôi đã nhắc ở trên), thật là ông tự đâm đầu vào đứng một hàng với những người can án, mà trình một bằng chứng hiển nhiên cho lời cáo-trạng của tôi ; như thế bảo ai mà nhịn cười cho được ?

Ông Cầm-Đài viết rằng :

« ... Sau này đến thời-kỳ quá văn-minh, giở lại đời Bàn cổ (?) ai nói đến tàu bay, hơi

---

tôi như chỗ ông dạy luân-lý cho tôi và bẻ những chữ bọn, láo sao ông ấy lại chưa chết v. v... Nói thế để bạn đọc biết rằng bài tranh luận này chẳng có tính cách nào cá-nhân cả.

TRẦN-THANH-MẠI

ngạt, đạn biết bay, vô tuyến điện v. v... sẽ lại có một ông Thanh-Mại bảo là huyễn, là đồ mê-tín cả mà ! »

Về thế-kỷ sau này, nếu không phải là một ông Trung-Viên khác thì ai đi bảo tàu bay, hơi ngạt, vô - tuyến - điện là huyễn hoặc ? Những sự phát sinh về khoa-học, người ta đã cắt nghĩa rõ ràng trong những sách giáo khoa thường thức và sơ-lược nữa kia !

Tàu bay là gì ? Vì sao con chim nặng hơn không khí mà bay được ? Vì sao lúc nó liệng xuống, nghĩa là không dùng sức vượt lên, mà không rơi xuống đất ? Bởi vì sức gió đập vào những mặt bằng, rộng và để chênh chênh (như hai cánh chim) có cái đặc tính đỡ nổi cái khối ấy lên. Thì Tàu bay cũng vậy. Bây giờ chỉ cần thêm bộ máy chân vịt để làm cái sức lướt tới, thế những bắp thịt ở dưới cánh của chim, tức là muốn bay đi đâu thì bay.

Vô-tuyến-điện ? Vứt một viên gạch xuống nước, nước rung động, làm từng quàng sóng, ngọn lá nổi ngoài xa, chỉ vì thế mà cũng lung lay rung động. Huống hồ những luồng sóng điện giữa khí trời, trong một giây đồng hồ (1/60 phút) đi mau được (300.000) ba mươi vạn cây

số. Những thứ điện-động-cơ làm theo kiểu Bobine de Ruhmkorff cứ việc phát những sóng điện ra, trong nháy mắt, ở trên quả đất này chỗ nào mà không đến?

Còn chuyện hơi ngạt? Hơi ngạt chẳng qua là một vị thuốc độc bằng hơi. Có người uống thuốc phiện với dấm thanh mà tự tử. Hỏi có ai nặn óc rồi kêu to: «Ồ! vô lý lắm! Uống thuốc phiện với dấm thanh mà chết được, nói láo! Ai mà tin!» — Không tin cứ uống thử mà chơi, tức khắc biết thiệt hay láo.

Vả chăng nói đến chuyện thăng thiên độn địa mà ông Viên đem so sánh với tàu bay, tàu lặn bây giờ thì trong não ông, ông chắc phải nghĩ rằng những «bảo bối» của thần tiên đời xưa đều là có thật, sự ấy không thể cãi chối được nữa! Nhưng nếu quả như thế, thì hóa ra nhân-loại đi thụt lùi, mà chỉ có câu chuyện tiến-hóa mới thật là câu chuyện láo! Không thế sao đời xưa người ta đã làm được như thế, mà bây giờ chúng ta chẳng làm được như thế? — cũng như — vẫn theo ý ông Viên — đời nay có hơi ngạt, vô tuyến điện, tàu bay v. v... mà đời sau không có nữa (không có vì mất

đi, chớ không phải có thứ khác hoàn-toàn hơn, tiện lợi hơn thế vào) cho nên mới chẳng ai hiểu những điều ấy là gì mà tưởng là huyễn hoặc ; thì ra mấy chữ «đến thời kỳ quá văn-minh» của ông Viên là vô nghĩa lý mà cách lập luận chẳng hóa ra mâu thuẫn lắm sao?

Đáng tiếc thay! Ông Cầm-Đài Trần-trung-Viên tự bào chữa cho mình như thế thì trái hẳn với ý muốn mất rồi!

Nay còn một chỗ nữa cần phải nói.

Người ta — nói chung cả loài người — có cái tính rất hay là lấy cử chỉ của những kẻ tài giỏi làm chuẩn đích cho mình, nhưng trái lại cũng có cái tính rất dở là cứ ỷ lại nơi những kẻ ấy, mà cứ tưởng họ tài giỏi thì cũng tài giỏi cả, rồi một hai khi bắt chước theo họ mà làm bậy lại đem họ ra làm chứng cứ để chữa lỗi cho mình. Riêng người An-nam thì cứ hay đem chuyện nước Pháp, nước Tàu làm tiêu chuẩn. Như cái «ca» ông Trần-trung-Viên đây là một.

Để bào chữa cho những vong thuyết của ông, ông Cầm-Đài nhắc đến người Tàu (những chuyện Phong-thần, Phong-kiếm xuân thu v. v.) và người Tây (bà Jeanne

d'Arc gặp thiên thần triệu, mống vàng trên trời khi đánh trận Waterloo v.v...)

Người Tàu bao giờ làm việc, họ cũng lôi thôi lốc thốc như người Nam ta mà thôi, nghĩa là không có phương pháp. Ta chỉ nên nói đến người Pháp.

Nước Pháp là một nước văn minh về hạng nhất. Bất luận việc gì, ta phải công nhận đó là một nước thượng trí. Nhưng mà ở dưới mặt trời, không có người nào là hoàn toàn thì người Pháp sao thoát khỏi công lệ ấy?

Tôi đọc sử Pháp. thường đã thấy nhiều chỗ đáng hồ nghi, nhưng đó là chuyện của người ta, không quan hệ gì đến mình mà mình nói. Hoặc giả có người bẻ rằng : « Người Pháp tối văn minh, có lý nào họ chịu để những chuyện vô lý vào trong sử sách mà họ chịu nổi ? » Tôi dám chắc rằng bộ óc đầy đủ của người Pháp vẫn đủ sức mà suy nghiệm thực hư, thành thử chuyện dẫu hoang đường, cũng không có hại, mà chính vì họ biết vậy, nên không có ai biện bác làm chi. Vả chăng văn minh thì họ văn minh thật, nhưng biết đâu họ lại chẳng có ít ông Trung-Viên.

Nhân ông Trần-trung-Viên đã viện đến một đôi luận chứng trong lịch sử Pháp, tôi

xin bàn luôn để phân minh hư thực.

Về chuyện Jeanne d'Arc *tưởng* nghe thấy thiên thần (Ta phải xét đến chữ *tưởng* rất quan hệ ấy mà không bao giờ họ bỏ sót) — Chúng ta phải biết rằng nước Pháp cho đến đầu thế kỷ thứ XVI, nghĩa là trước cuộc cải cách của Luther và Calvin, đều nhất luật theo Thiên-Chúa-giáo mà chẳng có đạo gì lộn vào. Lòng tín ngưỡng của nhân dân rất mạnh mẽ, từ lúc mới đẻ cho đến lúc chết, luôn luôn họ miệt mài và đạo. Phương chi Jeanne d'Arc sinh trưởng ở một xứ tính người nóng nảy (phía đông nước Pháp) giàu tình cảm lại thêm riêng nặng về chủ nghĩa quốc gia. Chính nàng thường nói : « Khi nào tôi thấy máu một người Pháp chảy ra, thì máu trong tim tôi cũng chảy theo vậy ! » (Mon coeur saigne quand je vois couler le sang d'un Français !) — Lúc ấy khắp nước Pháp, đều bị quân Anh đánh phá, vua hèn, tướng nhát đành chịu bó tay chờ chết ở trong thành Orléans. Jeanne d'Arc nghe chuyện cha anh kể lại, tình yêu nước dấy động trong lòng, đêm ngày ngồi đứng không yên. Cái tình trạng tâm hồn bị rối loạn như thế, hợp với lòng tin đạo, trông mong ở một phép thần thông nào của Đức Chúa Trời, cô Jeanne làm gì mà không *tưởng*

thấy *tưởng* nghe có thiên thần đến trao cho cái thiên chức đi phò vua cứu nước ? Sự *tưởng* thấy ấy theo siêu hình học, gọi là « tự kỷ ám thị » nó vẫn thường xảy ra, chẳng có gì lạ hết.

Còn triệu mống vàng lúc đánh trận Waterloo.

—Cái triệu, một là lành, hai là dữ. Nó không thể vừa lành vừa dữ được. Vậy thì nếu đã lành thì sao nó chỉ lành cho quân Anh, mà không lành cho quân Pháp ? Nếu đã dữ sao nó lại dữ riêng với Napoléon mà không dữ với Wellington ? Chúng ta không có lý gì mà dám giành một hiện tượng vật lý trong vũ trụ mà bảo nó có ảnh hưởng riêng đối với ta. Quả đất ở giữa không gian vô biên vô tận, chỉ là một hạt bụi giữa bãi sông Hằng, huống hồ là một mạng người ở trên quả đất ? Tôi không biết — và cũng không cần biết — ngày vua Napoléon Bonaparte thua trận Waterloo, ở trên trời thật quả có mống vàng không ? Vì nếu có thật cũng thế thôi ! Nhưng tôi không thể nhịn cười được khi nghe những người bàn luận chung quanh những việc bất hạnh đã xảy tới cho những vị chúa tể hay có danh vọng lớn trên đời. Họ bảo : « Thảo nào ngày ấy trời mưa dầm dề thì phải lắm ! »

hay là « Hèn chi có tiếng sét hôm qua ! » v. v.... Tối hôm 31 Décembre 1933 là hôm báo « Phụ-nữ thời-đàm » số 16 ra đời (trong ấy có bài phản đối của ông Trần-trung-Viên) tôi thấy có ngôi sao băng trên trời, có phải là cái điềm ông Trần-trung-Viên mắc nạn, cái nạn làm trò cười cho thiên hạ đó chăng ? Tôi không dám tinh như thế !

Nhân nhắc đến trận Waterloo, tôi xin tiếp theo ông Viên mà kể một chuyện cũng dính líu về chuyện ấy để chứng cái chỗ hư vong của một đôi đoạn sử.

Buổi chiều hôm ấy (18 Juin 1815) bao nhiêu đạo binh của vua Napoléon đều bị quân Phổ và quân Anh đánh tan nát hết. Hoàng-đế nước Pháp chạy đã lâu rồi. Đến tắt mặt trời, giữa chiến trường chỉ còn lại một mình viên tướng Cambronne đốc xuất 20 tên lính tàn của đạo Đế-quốc Vệ-binh (Garde-Impériale) Quân Phổ và Anh vây bọc xung quanh, hạ lệnh bắt hàng đầu. Cambronne cả giận, chỉ mắng lại một tiếng rồi cứ đánh liều. Tiếng ấy là tiếng thô tục nhất trong ngôn ngữ, chỉ cái bộ phận hèn hạ trong người. Mà chỉ nhờ có tiếng ấy mà danh tiếng Cambronne được lẫy lừng trong sử sách! Đến cả những nhà

văn hào như Victor Hugo (Les Misérables) Erckmann-Chatrian (Waterloo) đều có nói đến và khâm phục cái khí - phách oanh - liệt của Cambronne. Có ai ngờ tiếng ấy Cambronne chẳng bao giờ nói ra mà chỉ là thiên hạ đặt bầy ra, thêu dệt thêm cho Cambronne như vậy thôi!

Ta nên biết rằng từ khi thuốc súng đã được phát minh ở trên mặt địa cầu này, thì sự chiến tranh không phải như ta tưởng lầm theo những trò đánh nhau trên sân khấu tuồng cổ đâu. Hai phe cừu địch gặp nhau thì bắn thì đâm, mau ai nấy được, chớ không có thì giờ đâu mà nói chọc tức nhau, mà bảo: «Này bảo cho: phải hạ mã lai hàng đi» để bên kia đáp lại: « Úi chà chà! Phiên tặc khi ngô thái thậm». Không phải thế đâu, không ai dại gì mà không đánh trước, mà chỉ nói «bá láp» để người ta đánh cho hầu chết mới đánh lại sau (1).

---

(1) Xưa nay trong lịch sử thế giới họa chăng chỉ có trận Fontenoy của quân Louis XV đánh nhau với quân Anh và Áo. Xáp mặt c'ch nhau chừng 50 bước, tướng Anh nói rằng: «xin mời các ngài bắn cho». Tướng Pháp trả lời: «đâu dám lĩnh cái hân hạnh ấy? xin mời các ngài bắn trước cho đã!» Cả hàng tiên phong của đội quân Pháp đều bị hại về câu trả lời quý phái ấy. Lời tác-giả.

Mới rồi đây, nhân lật trong đống sách cũ tình cờ tôi lại thấy một chỗ càng cho tôi chắc hơn nữa về chuyện đồn kia. Một nhà thi hào đồng thời với Cambronne, viết rằng «Miệng thế hay đặt bầy nhiều chữ tuyệt diệu để qui cho lắm nhân vật mà những người ấy rất hổ thẹn, hết sức chối thác như là biết mình không đáng hưởng danh dự to tát dường kia. ..Một vị nguyên soái Pháp chẳng đã cãi rằng mình không hề nói đến cái chữ ở giữa chiến trường Waterloo đó ư? cái chữ nhờ đó sau này tên ông ta thành bất tử» (Comme par plaisir, et pour se jouer de la postérité, la voix publique invente des mots sublimes pour les prêter, de leur vivant même et sous les yeux, à des personnages qui, tout confus, s'en excusent de leur mieux, comme ne méritant pas tant de gloire.... Un général français n'a t-il pas nié le mot du champ de bataille de Waterloo, qui l'immortalisera? Alfred de Vigny — «Réflexion sur la vérité dans l'art» — Tựa quyển Cinq Mars —).

Xem thế thì đủ biết rằng dù có đến một nước thượng trí như nước Pháp cũng không khỏi có điều thất thực trong sử sách, mà không phải vì thấy người ta văn minh tài giỏi mà

mình cứ nhắm mắt tin theo cả, mà không thèm suy nghiệm cho chín, cho sâu?

Trong cả hai bài « Tìm sự thực. . .» trước, tôi cốt nói chung về cái tệ hay tin liều này, chớ không có ý công kích riêng ông Trần-trung-Viên, có chăng chỉ vì ông đã cho tôi một bằng chứng rõ ràng là những chuyện hư nguỵ trong bộ « Văn-Đàn bảo giám» Không ngờ bài ấy đã chẳng có chút ảnh hưởng nào hay tốt đối với ông Viên, mà chỉ tổ chức tức ông, để ông gieo cho chúng ta một tràng chuyện dị đoan huyễn hoặc nữa. Tuy rằng như thế không phải tội ở cả nơi tôi, nhưng cũng buồn, buồn vì phải đả động một lần nữa đến một bực tuổi tác mình phải biết kính luôn luôn.

Nhưng....

Một bạn thanh-niên phê bình nhân vật (không phải ông Thiếu-Sơn) đã dám kết luận một câu về một nhà đại chí sĩ, nói rằng đã đến giờ hạ những cây cột mục xuống (1). Tôi rất không đồng ý, vì cây cột đã thật mục, thì tự nó trốc đi, mà không cần ai phải nhọc công hết thảy. Huống hồ ta phải xét cây cột ấy là gỗ gì và xưa

(1) Ấy là ông Hải-Triều nói về ông Huỳnh-thúc-Kháng. (Lời xuất bản giả).

rày đã chống đỡ nhà cửa cho ta ra thế nào đã.....

Nhưng đến cậy cột đã mục, mà chỉ là gỗ tạp, lại không yên phận mục, còn ba hoa mọc nấm sinh rêu để những người nhẹ dạ ăn phải mà bị độc, thì không chặt cổ xuống còn để làm gì?

1933.

MỘT LỐI GIẢ DỐI CỦA NHÀ NHO « VĂN THƠ KHẨU-KHÍ. »

BÁO Nhật-Tân số 75, ra ngày 16 Janvier 1935, có bài « Thơ và người » của ông Nguyễn - triệu - Luật, đoạn đầu đại ý ngờ ở lời nói của Buffon (Văn tức là người). Ông nói : « Tôi ngờ vì tôi thấy nhiều người, thơ làm rất khẳng khái, mà sự thật thì người ấy lại nhút nhát khả bỉ ; nhiều người làm thơ rất buồn bã mà sự thật lại là người rất vui vẻ, cả đời chỉ thích cuộc vui suốt sáng trận cười thâu đêm.

« Người làm câu văn « Lăng - miếu quần công, tục xuất Bình ngô chi cáo » (chốn lăng-miếu ra bài bình-ngô) mà nay làm quan, ngồi đâu cũng hết tán dương quan Thượng này đến tâng bốc quan Thiếu kia, thì còn ai ngờ ? Người nề vế câu đối « Đại ngô th

văn cận tự chung» (mỗi khi nghe chuông chùa bên cạnh, tỉnh ngộ lớn ngay) ở cổng, mà đến cho vay lãi tám phân, tính róc từng ngày, sau cuộc binh loạn ba mươi năm, vét của bọn cùng dân được cái vốn hàng chục vạn, thì còn có ai ngờ?... »)

Tôi đang soạn quyển sách «Phê bình văn-chương và thân-thế Trần-tế-Xương» có đoạn nói về lối văn Khẩu khí của các nhà nho, mà tôi cho là một lối nói khoác, xét ra có lẽ đồng một ý với ông Luật. Nay lại thấy ông này cho hay rằng ông sẽ có bài nói về « Lối văn nói khoác của nhà nho » ở kỳ sắp tới của báo Nhật-tân, tôi vội vàng lục đăng đoạn văn của tôi đã nói trên. Nếu như tư tưởng ở hai bài quả thực giống nhau, đó cũng là một cách cống hiến cho bạn đọc cái vui được thấy một sự gặp gỡ tư-tưởng ít có.

*
* *

Các nhà văn-hào ta xưa hay bắt chước nhau làm một thể thơ gọi là thơ khẩu khí, nghĩa là trong ấy hơi văn, lời nói tỏ rằng tác-giả có khí tượng lớn lao. Đến phải vịnh một vật gì, dù là vật đê-tiện tồi tàn, họ cũng cố tìm những câu bóng bảy cao xa, làm thế nào cho vật ấy hóa ra uy linh, cao

quí. Nhân thế, bọn văn-nhận xưa có cách phê-bình rất hàm hồ vô lý : chỉ nghe giọng văn, họ tự phụ đoán biết tương lai, số mệnh người làm ra văn.

Người ta biết ông Cao-bá-Quát bị chết chém. Thế là những việc ông ta làm khi còn học trò hay là khi đã làm quan ở Triều-Đình Huế, nhất nhất đều bị họ dấn cho cái nghĩa làm giặc. Sau khi ông vào ông Cao-bá-Đạt chia nhau đỗ đầu vào thứ nhì khoa thi hương năm 1831, vua Minh-Mạng có ra một câu đối :

— *Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ,*

Ông Quát ứng khẩu đối :

— *Thiên tãi nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần.*

« Các quan trong triều đều bằng vào cái khẩu khí ở trên mà đoán trước rằng sau này ông sẽ là một tay đáo đề ». Hay ít ra ông Nguyễn-tường-Phượng, khảo cứu thấy vậy, rồi diễn-thuyết ở Hanoi, ông lại nói như vậy. Phần tôi, trong vế đối ấy, tôi không thấy chỗ nào là có « khẩu khi » tỏ ra « một tay đáo-đề cả. Trái lại, tôi tưởng rằng đó là một lối nịnh hót rất khôn khéo, rất thần-tình, rất « mẫn-tiệp », tỏ ý muốn làm đẹp lòng vua, chẳng khác nào những câu nịnh hót của

những cận-thần triều vua Louis XIV nước Pháp.

Bằng chứng ở chỗ ông Quát sửa câu đối ở điện Thái-Hóa :

« Tử năng thừa phụ-nghiệp
« Thần khả báo quân ân.

mà ông đổi làm :

« Quân-ân, thần khả báo,
« Phụ-nghiệp tử năng thừa.

thì ông rõ là một người hết sức giữ gìn thượng hạ tôn-ti, yêu trật-tự, kính trọng lề cũ lối xưa, nhất thiết trung-thành với chánh-thể quân-chủ, đâu là khẩu-khí của một kẻ phản nghịch triều-đình ?

Cập kỳ ông giấy loạn bị bắt, nhốt trong cũi, ông có ngâm hai câu :

« Một tấm ván lim ngồi thế ĐẾ,
« Hai vòng xiềng sắt đứng thời VƯƠNG.

Hai câu ấy, tôi đố ai dám khen là có cái khẩu-khí đế-vương, tuy ai cũng đã thấy rõ ràng những ĐẾ cùng VƯƠNG cả đấy ? Vì sao ? Là vì, ai cũng biết rằng chỉ mấy phút sau là ông ta đã bị « Một lát gươm đưa bỗ mẹ đời.»

Xem thế đủ biết lối phê bình phán-đoán của bọn hủ-nho chẳng ăn thua vào đâu cả.

Lại như hai câu người ta bảo của Lý-công-

Uẩn đã ứng-khẩu, khi còn nhỏ, bị thầy học trói co chân suốt đêm đề phạt tội lười :

« Dạ thâm bất cảm tràng thân túc,
« Chỉ khủng sơn hà xã tắc điên.
(Đêm khuya không dám ngay chân duỗi.
« Chỉ sợ sơn hà xã tắc xiêu) !

Ở đây người ta lại quả quyết là giọng văn có khí tượng đế-vương! Kề cũng không lạ, vì người ta biết nhà Lý đã lên ngôi Nam-đế. Nếu Lý-công-Uẩn chỉ là một anh sãi nối-nghiệp thầy Vạn-Hạnh, hẳn không ai đếm xỉa đến câu ấy làm gì, hoặc không bao giờ có câu ấy nữa. Nhưng ở chỗ này ta không cần biết câu chuyện khẩu khí ấy thực hay hư. Ta chỉ hỏi : gọi là khẩu khí thì khẩu khí ở chỗ nào? Sơn hà xã tắc là cái gì ở đây mà sợ ruỗi chân nó xiêu đi? Ở trong một phòng học, bất quá chiếc ghế, bộ ngựa, cái yên, mấy chồng sách là cùng. Hơn nữa, nói cho hết lý, giá sử trò Uẩn lười kia bị buộc gần một non bộ, có đủ núi đủ sông, nhưng những vật ấy sao dám gọi là xã-tắc?

Nếu cứ thế mà gọi là khẩu khí, thì anh hay tôi đều có thể nói ngàn vạn cái khẩu khí hơn.

Trên kia là chuyện khẩu-khí đế-vương.

Bây giờ lại có thứ khẩu khí khiêm-tốn thực thà hơn : người làm thơ chỉ mong giựt lấy chiếc bằng hương-cống (Cử-nhân) cỏn con, làm một viên quan nho nhỏ, rồi dần dần nhờ thời-gian, nhờ vận đỏ, lên đến chức trọng quyền cao. Vịnh bài thơ « Mèo bắt chuột » anh ta nói ;

« *Chí quyết phen này vồ lấy* **cống**,
« *Rồi lên* **đài-các** *sẽ nghêu ngao* ;

Những chín mươi phần trăm thơ khẩu-khí đều thổ lộ ra giọng một bực trung thần, suốt đời chỉ mong đem tài thao lược, báo đền ơn vua nợ nước, và không quản gì đến lao khổ gian nan. Cho dẫu chỉ tả một con chó đá, thi-nhân cũng cố nặn sao cho ra khí-tượng một ông quan giốc lòng thờ chúa ! Ta xem đây :

« *Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,*
« Cửa nghiêm chềm-chễm một mình ngồi,
« Quản bao sương tuyết chi nào kể.
« *Khéo giữ cao lương cũng chẳng nài,*
« *Mặc khách thị-phi dương mắt tráo.*
« *Những lời trần tục biếng vào tai,*
« Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng,
« Bền vững ai lay cũng chẳng rời !

Các bạn có biết sao vậy không ? Những bài thơ ấy đích là của mấy anh đồ kiết

xác riêng mình đã không có tư tưởng tự-do cao-thượng, lại sống vào một thời-đại quân chủ chuyên chế, phi cái cách xu nịnh Chính-phủ đương thời, thì khó mong chen chân vào trường danh-lợi. Mà cái nguyện-vọng duy-nhất của kẻ nho-sĩ là làm một ông quan. Cho nên trước khi làm được, họ đua nhau làm thơ khẩu khí để có dịp phơi gan trải mật cho người ta biết, để rao to cả bốn phương trời là mình một lòng trung thành bình sinh quyết chí giúp nước phò vua.

Sự nịnh hót vô cớ ấy đã thành một cái lệ, một cái tục. Trong khoa cử, như về môn kinh nghĩa chẳng hạn, bất luận đầu đề ra thế nào, cho dẫu sau muốn nói trời nói đất gì gì, văn bài của học trò trước hết phải khơi mào bằng những lời khen ngợi triều vua hiện tại mà bao giờ cũng cho là thịnh trị, thái-bình. Cũng như các vè, các chuyện, đoạn đầu phại để dành cho việc tán tụng nhà vua.

Tôi lại nhớ đến lối hát tuồng cổ của ta, trong ấy các tài tử mỗi khi ra giữa sân khấu, hát đến chữ gì dính dáng về vua chúa thì phải chắp hai tay đưa ngang mày, tỏ ý sùng-thượng kính cẩn, thậm chí nói đến những tiếng như Hoàng-gia, Trào

ca, Nhà-vàng, Bệ-ngọc v. v. họ đều chắp tay đưa lên cả.

Nay hãy nhắc lại mấy nhà thi-sĩ có tiếng xưa kia, như Lê-thánh-Tôn chẳng hạn. Ông này đã nổi tiếng thơ hay vì những khí-tượng đế-vương, đài-các. Những tiếng ấy tôi tưởng là lạm hưởng mà thôi, vì các lối khẩu khí như trên đã giải, đã là những điều vứt bỏ đi thì còn gì trong thi-văn Hồng-Đức nữa?

Ta thử lấy vài câu trong bài vịnh «Bồ-nhìn». Sau khi mở đầu bằng một giọng diệu vũ dương uy, một câu xướng của anh tướng phiên hay kép núi trong tuồng cổ: *quyền trọng ra uy trấn cõi bờ; Vốn lòng vì nước há vì dưa?* tác-giả tả hình dung nói rõ tài tiễu-trừ muông chim, tính khinh thị người gọi chẳng thèm thưa (gọi cái bồ nhìn mà nó thưa được, họa chăng có tác-giả mang áo tơi, đội nón thân hành ra đứng làm cái bồ nhìn!) rồi tác-giả kết luận:

«*Mặc ai nhẩy nhót đường danh lợi*
«*Ơn nước đầm đìa hạt móc mưa*»

Thật là sáo! Sáo đặc!...

Còn như tả một thằng ăn mày mà làm nó thành ra một nhà triệu phú, ngao du khắp thiên hạ để thưởng ngoạn phong cảnh,

ra một người mà về cảnh ngộ địa vị, ai cũng chỉ mong được như thế là cùng, thì còn chân-lý ở đâu? còn nhân-đạo ở đâu nữa? Lê-thánh-Tôn há lại ác nghiệt, tàn bạo đến thế ư?

Tôi không quá lời. Ta xem đây:

« *Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,*
Lộc trời để lại được ăn mày (!)
Hạt châu chúa cất trao ngang miệng,
Bệ ngọc tôi từng đứng chắp tay.
Nam, bắc, đông, tây đều đến cửa,
Trẻ, già, trai, gái cũng kiêng thầy.
Đến đâu sẵn có lâu đài đấy,
Thu cả càn-khôn một túi đầy!

Phong lưu tài đảm như vậy thì không hiểu cái anh dân nước Tề trong sách Mạnh-Tử kia điên gì lại không chịu thú quách với hai chị vợ rằng mình làm « được đến ăn mày », chẳng oai hơn là cứ hằng ngày sách bị đi xin, tối về nói dối là đi thăm ông Cống nọ, ăn ở nhà ông Khanh kia cho hèn chức phận mình đi?

Nếu ta đem bài thơ ấy đọc cho bọn ăn mày nghe, phỏng như hiểu được họ không khỏi mắng cho. Họ sẽ gân cổ bảo:

— Các ông xem, chúng tôi suốt đời không được ăn một bữa no, trời rét lạnh đứt

ruột nằm ở đầu đường xó chợ, Nam, bắc, đông, tây đi mòn chân mỏi gối, chỉ để xin lấy miếng cháo thừa, manh giẻ rách. Trẻ già, trai, gái có kiêng chỉ vì họ gớm, họ rẫy ruồng, họ coi chúng tôi như những tên phong, tên hủi; họ sợ thối, sợ tanh. Hay là họ sợ ăn trộm mất của họ đi. Các ông giầu sang ở trong cửa kín, nhà cao, đã hết thức chơi đâu mà đem chúng tôi ra nhạo báng làm trò cười ? »

Nếu trong cả nước, ai nấy bỏ địa vị mình để giành cho kỳ được cái địa vị sang-trọng đáng ganh của người ăn mày mà Lê-thánh-Tôn đã tả, thì không biết ông sẽ là ông vua gì trong cái giang sơn hiển hách của vị anh-hùng đất Lam-sơn đã để lại cho ?

Nói tóm lại lối văn khẩu khí là một lối văn giả dối, và người làm ra nó đã lợi-dụng một đời ngu-độn khờ-khạo, lường gạt để lòe bằng những cái trá ngụy, để người ta phải kiêng nể mình, kính trọng mình, khi nghĩ đến địa vị, đến cảnh-ngộ bông lông bịa đặt sau này của mình ! Lối văn khẩu khí che lấp sự thực, bôi nhọ chân-lý một cách xấc-xược, tàn bạo, cầu hạnh

1934.

Một vụ án Văn-Chương đã kết liễu
Hãy trả cho César cái sở-hữu của César

VUA DUY-TÂN VÀ BÀI CA « TRÊN SÔNG HƯƠNG »

I

CÒN nhớ độ nào, ở trên tờ báo quá cố Đông-Tây, cô bạn đồng-nghiệp quá dễ yêu của tôi là Lệ-chi quả quyết cho bài thi chữ tây nhan đề : Sur le Fleuve des Parfums + Nocturne, đăng trong tạp-chí của hội Đô Thành Hiếu Cổ năm 1916 trang 41-42, chính là tự tay vua Duy-Tân viết ra. Hơn thế nữa, Lệ-Chi lại mở một cuộc thi dịch bài ấy ra quốc-âm. Giải thưởng nhất — tôi không nhớ — không biết phải về tay Lệ-Chi không, dầu sao bản dịch của Lệ-Chi cũng tả được tất cả cái âm-điệu não nuột của nguyên-văn. Các bạn hãy nghe đây .

Sur le fleuve des Parfums (Nocturne)

Du soir la tiédeur alanguie
Berce mon âme en sa douleur
Du fleuve la course alentie
Berce la barque avec douceur

*
* *

La barque obéit endormie.
Aux coups réguliers du rameur ;
Mon âme tressaille, meurtrie
Aux coups de la vie dans mon coeur.

*
* *

Et mon âme vogue, alanguie,
Au rythme alenti de mon coeur ;
Et la barque vogue, alentie
Au rythme alangui du rameur

*
* *

La lune paraît, très pâlie
Dans sa maladie de langueur
Et répand sa mélancolie
Sur la nature et dans mon cœur

*
* *

Mon âme en sa mélancolie
Berce doucement sa douleur
La barque en sa course alentie
Berce mon âme en sa langueur

F. G. H.

Bản dịch của Lệ-Chi

Hơi gió hiu hiu của ban đêm
Ru hồn ta trong cơn tê-tái
Nước sông Hương lặng lẽ êm-đềm
Ru chiếc thuyền ta trôi êm ái

* * *

Thuyền ta thiu thỉu ngủ lênh đênh
Theo dịp mái chèo bơi êm ái,
Tâm hồn ta rầu rĩ buồn tênh,
Theo cơn sóng trần duyên tê tái.

* * *

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh,
Trên lớp sóng trần-duyên tê tái
Thuyền ta bơi lướt qua, lênh đênh,
Theo dịp mái chèo bơi êm ái v. v...

* * *

Trăng soi trên đỉnh núi đầu ghềnh,
Nhợt như vết thương lòng tê tái
Và trong cõi lòng ta mông mênh,
Trăng rủ một cơn buồn êm ái.

* * *

Tâm hồn ta rên rĩ buồn tênh
Ru vết thương lòng ta êm ái
Thuyền ta trên mặt nước lênh đênh
Ru tâm hồn ta thêm tê tái.

LỆ CHI (Nguyễn-Vỹ)

Dịch mà không bỏ mất cái tính cách cốt yếu của nguyên-văn như thế, kể cũng đã là hay. Nếu vua Duy-Tân là tác giả chính thức của bài chữ Pháp, và nếu bản dịch của Lệ-Chi được lọt vào mắt người, hẳn người cũng phải nhận Lệ-Chi là bạn tri-âm.

Sự qui quyền tác giả bài thi ấy cho vua Duy-Tân trước Lệ-Chi, tôi nghe cũng đã nhiều, mà chắc các bạn cũng thế. Các báo Patrie annamite, Nouvelle Revue Indochinoise, Le Cygne và nhiều báo quốc-văn khác nữa, mà tôi không nhớ được hết tên, đều tin chắc như thế cả. Chính ở ngay tủ sách tôi, trong quyền tạp chí đã nói trên, một bàn tay vô danh nào, khi mượn sách, đã đề dưới ba chữ ký tắt F. G H. của tác giả, mấy chữ bằng bút chì : « Ex-empereur Duy-Tân »

Trong một số mới rồi đây, bạn đồng nghiệp Khuyến-Học ở Hanoi, in ảnh vua Duy Tân, cũng có đăng kèm theo bài thi chữ Pháp, thêm bản dịch của Lệ-Chi.

Trước khi tin theo, ta hãy xét có nên tin không đã.

Bài thi ấy đăng lên vào năm 1916. Như thế, ít ra cũng phải làm trong năm ấy, 1916, chứ nó có thể làm một vài năm trước, it ra là lúc vua Duy Tân « ngài còn

ở ngôi ». Năm 1916, vừa chưa đầy 16 tuổi.

Không bàn đến ý nghĩa hay dở của bài thi, một cậu bé thường dân người Pháp, từ thủa mới học a, b cho đến mười lăm, mười sáu tuổi chỉ chuyên học mỗi một món tiếng mẹ đẻ mình, vị tất đã làm nổi một bài thi như thế.

Phương chi, đây là một trường hợp tối ư đặc biệt : cậu bé ấy là một người Việt-Nam ; người Việt-Nam ấy lại là một vị hoàng đế. Thì ngoài sự vui chơi tiêu khiển là cái quyền của tuổi trẻ, của nhà quí-phái, một vị hoàng-tử thất học như Vĩnh-San, bỗng nhiên nhẩy lên cái địa vị tối trọng làm chủ-tể một đế-quốc, còn phải học ăn, học nói, học gói, học mở, tóm lại, học muôn vạn cái phiền-phức nó đã gồm cái nền lễ-giáo cũ của nước nhà. Người còn phải học tiếng mẹ đẻ, hồi bấy giờ cũng chưa được thông dụng, học chữ Nho, học chữ Pháp, hai thứ chữ cần cho nghề làm vua, hơn cho các nghề khác nữa !

Năm 1912, ông Hàn-lâm văn-chương Eugène Brieux thuật chuyện lại trong quyển Ký-sự « Voyages en Indochine — Simples notes d'un touriste » rằng thấy thương hại quá, ông đã muốn kêu lên : « Thôi được rồi !

Bây giờ cho cậu ra sân chơi! Chóng ngoan!»

-Ấy đấy, cậu học trò tội nghiệp ấy mà ba năm sau người ta bảo đã làm thi tả sự chán nản của cuộc đời mà tình thật cậu chỉ thấp thoáng thấy được một góc, giữa bốn bức thành cao: một mảnh trời trông từ đáy giếng!

Sự chán nản của cả một cuộc đời tê tái. Sự chán nản của cả một tâm hồn, một quả tim thất-vọng, như đến không thể tin một việc gì ở trên quả đất này!

Ấy, những cái ấy mà người ta đem qui cả cho một cậu bé ngây thơ, vô tội, ai bảo làm gì cũng nghe, cũng tin, tin đến cả anh chàng câu ếch mà một buổi chiều đìu hiu buồn tẻ kia đã đem lại cho cậu!...

Chúng ta có nhiều tự-ái quá, đến mù cả mắt, đến điếc cả tai.

Chúng ta nghe cái gì có thể làm thỏa lòng tự ái của ta, là tin ngay, không thèm suy nghĩ gì nữa!

Ai hơi đâu mà nghĩ đến lý này lẽ nọ? Ai nhọc công mà tìm cho ra sự thật làm gì? Có cái việc dễ dàng này mà cả bạn đồng-nghiệp Khuyến-Học, cả Lệ-Chi, không ai chịu làm: ấy là gửi cho ông chủ-bút tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cổ ở Huế vài hàng

để hỏi thực hư. Chắc thế nào người ta cũng sẽ sốt sắn mà trả lời cho mình tương tự như thế này : « Phúc đáp thơ ngài đề ngày mấy đó, tôi xin tin ngài hay rằng sự bí mật nhà nghề không cho tôi nói lộ tác-giả bài « Trên sông Hương » đăng trong bản chí số ấy, trang ấy, năm ấy. Dẫu sao, tôi có thể quả quyết với ngài rằng bài ấy không phải là của đức Phế đế Duy Tân. Kính chúc ngài v.v... »

Thế là đủ cho ta rồi, ta cần gì nữa. Các bạn thử nghĩ xem !

(« Sông-Hương » - 1936)

II

(Trích dịch bức thư của bác-sĩ R. Guy-Issartier đăng trong tờ Đông Dương Tân-Tạp-Chí « La Nouvelle Revue Indochinoise » số đặc biệt Avril-Mai 1937, trang 173.

« . . . .

« *Tình bằng hữu và lòng lo giữ sự thực khiến tôi phải mách cùng quí báo một đều lầm lạc vô ý của quí báo trong số tháng mars vừa rồi, ở trang 89. Bài thi nhận là của Phế-đế Duy-Tân không phải của người làm, mà chính là của ông Henri Guibier, một nhà thi-sĩ âm-nhạc, giám đốc*

sở Lâm-Chánh Trung Kỳ, hiện ở Huế.

« Bài thi ấy đã đăng trong tạp-chí hội Đô-Thành Hiếu Cổ, số đặc biệt « Huế đẹp » trang 41, năm 1916, dưới cái nhan đề : « Dạ Điệu ».

« Lần này là lần thứ hai mà người ta qui cho người Annam những bài thi không phải của họ làm ra.

« Chẳng phải đã có lúc người ta in thơ của Théophile Gautier mà ký tên một người An-nam đó ư? Cái phận sự tờ Đông-dương Tân tạp-chí là không noi theo những gương như thế.

« Sự đó cũng chẳng làm giảm bớt cái danh vọng của đức Duy Tân, người vẫn là một bậc văn-hào, và một nhà nghệ-thuật có tài...

. . . .

« Dr. R. Guy-Issartier »

III

(Dịch bức thư của cha P. Cadière, chủ-bút tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cổ gửi cho ông Hội-trưởng hội Đô-Thành Hiếu-Cổ ở Huế, để chuyển giao cho Trần-thanh-Mại).

(Cửa Tùng ngày 7 Mai 1937).

« Kính ông Hội-trưởng.

« Đáp bức thư ngày 27 Avril 1936 của ông Guibier đã gởi cho ngài, tôi xin tin ngài hay rằng trước kia ông Trần - thanh - Mại, trong hai bức thư ngày 4 Juillet và 5 Aout 1936 đã có yêu cầu tôi nói cho ông ấy biết rõ cái tên thực của tác giả bài ca nhan đề là « Sur la Rivière des Parfums» đăng trong tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cổ và ký là F. G. H.

« Tôi có trả lời cho ông ấy, do thư viết ngày 7 Aout 1936, rằng sự bí mật nhà nghề buộc tôi không được thổ lộ cái tên tác-giả bài thơ ấy, nhưng mà tôi có thể tin chắc cho ông ta là không phải đức phế đế Duy-Tân.

« Ngày nay, như ông Guibier đã gỡ cho tôi sự bó buộc của bí mật nhà nghề, thì tôi lại lấy làm một phận sự mà tuyên bố rằng tác-giả bài thi đã nói trên và khởi đầu bằng mấy chữ: « Du soir la tiédeur alanguie ...., đăng trong tạp chí Đô-Thành Hiếu-Cổ số 2, năm thứ ba Avril - Juin 1936, trang 157, 158, chính là của ông Guibier, thủa ấy cũng như bây giờ, vẫn làm giám - đốc sở Lâm-chánh Trung-Kỳ.

« Tôi lại nói thêm rằng bài thi nhan đề là « L'immuable Huế — Arabesques » cũng đăng trong một số ấy, trang 211-213, và ký là L. N. là của bà Guibier.

« Tôi xin để ngài được trọn quyền áp dụng lời tuyên-bố này vào bất kỳ việc gì ngài muốn, và như ngài cho làm thế là phải, để bắt hai tờ « Việt - Nam Tổ-quốc » và « Đông-Dương Tân - Tạp - chí » phải cải chánh sự lầm của họ, vì họ đã cho rằng bài đầu trong hai bài ấy là của đức phế-đế Duy-Tân.

Kính chúc ngài... v. v........

Ký tên : CADIÈRE

Chủ bút tạp chí Đô-Thành Hiếu-Cổ

về năm 1916 và năm 1937.

IV

(Trích dịch bức thư của ông Henri Guibier trả lời cho Trần - thanh - Mại ngày 26 Juillet 1937)

. . . .

« Bài thơ ấy tôi làm không có ý định trước. Cái ngày nó tự thấy đủ sức ra đời thì nó ra, thế thôi. Nhân tôi có đưa bài ấy cho cha Cadière xem, gặp thuở ấy, hội Đô-Thành Hiếu-Cổ đang sửa soạn xuất bản một số đặc biệt « Huế Đẹp » cha Cadière

bèn cho đăng vào. Về sau, tôi lại còn lấy bài ấy soạn thành bản âm-nhạc nữa. Nếu như tôi không phản đối việc qui cho vua Duy-Tân, là tác-giả bài thi « Nocturne » chỉ là vì tôi cho việc ấy nó buồn cười quá ! Bây giờ, khi người ta đã biết nó là của tôi, thì có lẽ « cái tác-phẩm tuyệt tác ấy » đã không còn ra gì nữa. Nhưng cái ấy cũng chẳng quan-hệ gì !

« Xin chúc ông V.V... »

* * *

Xét trong văn học-sử, những chuyện lấy của người làm của mình, như thế không phải là ít. Ai không còn nhớ chuyện ông Trạng Mạc-Đĩnh-Chi đi sứ Tàu, được người ta ủy cho việc đọc văn-tế mà trong ấy có mỗi một chữ nhất ? Thế đấy mà cứ dày công tra cứu cho kỹ hơn chút nữa thì thấy rằng chuyện ấy đã có sẵn trong sách Tàu. Sách chép những hai chuyện giống hệt như thế, chứ không phải một nữa. Chuyện thì chép tên Vương - Thập-Bằng tế vợ » (kinh xoa Ký - truyện - kỳ) chuyện thì cho là sứ giả Bắc Triều Dương Đại-Niên đọc trước linh cữu bà Chương-Hiến Thái-Hậu (Thị-nhi-Biên) ; tựu trung

cũng là quây quần chung quanh mấy câu này, ở mỗi chỗ có thấy đổi một vài chữ :

Thanh thiên nhất đóa vân
Hồng lô nhất điểm tuyết
Ngọc uyển nhất chi hoa
Dao trì nhất phiến nguyệt.

Còn biết bao nhiêu chuyện nhìn lạm như thế nữa ? Biết bao nhiêu vụ ăn trộm như thế ? Ngòi bút của tôi, thẹn thùng quá, không thể đẩy đi xa hơn nữa. Ta chỉ nên nhớ rằng không bao giờ ta tin được một việc mà lý trí không thể công-nhận mà hoàn cảnh không thể dung nạp, cho dẫu việc ấy làm thỏa thích tấm lòng tự-ái của ta, cho dẫu nó vẫn cho ta một cái cớ để mà tự cao tự đại. Ta phải hiểu tất cả cái khinh - thị của nhà thi-sĩ Henri Guibier, nó to lớn đến chừng nào, đến nỗi trong hơn hai mươi năm trời ông ta không thèm hé môi mà cải chánh lấy nửa lời : « Tôi không phản-đối là vì tôi cho cái việc ấy nó buồn cười quá ! » Tôi thì tôi chả thấy buồn cười tí nào hết ! Trái lại thế !

(Saigon tiểu thuyết số 1
ngày 21 Aout 1937)

Phụ vào vụ án Duy-Tân, vụ án đã làm sôi nổi dư-luận Văn-Học giới Việt-Nam

HAI BỨC THƠ, HAI TÀI LIỆU

của Thanh-Tịnh và Trần-Thanh-Mại Báo Mai và Báo Phổ-Thông thiếu thật thà trong Văn-Chương

I

CHÚNG tôi có cần phải nhắc lại không? Có cần phải nhắc lại rằng vì muốn cất một gánh nặng cho phế-đế Duy-Tân và Văn-Học-Sử Việt Nam, ông Trần-Thanh-Mại đã giúp Saigon tuần Báo tìm ra tác-giả bài « Nocturne »?

Có những người suốt năm không hề viết. Nhưng hễ viết ra một bài là bắt thiên-hạ phải chú ý. Ông Trần-Thanh-Mại người có lối văn đanh thép thuộc vào hạng người ấy.

Bị ném ra giữa làng văn lúc cho đăng bài: « Tìm sự thực trước khi viết bộ Việt-Nam văn-học-sử » ở báo Phụ-nữ Tân-văn

vào năm 1933, Trần-quân có cái hân-hạnh độc nhất là được cụ Huỳnh-thúc-Kháng đặt cho lên đầu một áng « hào-quang danh-vọng ». Rồi không kèn, không trống, Trần-quân đưa ra một quyền sách phê-bình có giá-trị : « Trông giòng sông Vị ». Và lần nầy thì ông đã đánh đồ được cả dư-luận về bài thơ nhìn lạm « Sur le fleuve des Parfums »

Theo như chúng tôi biết thì đã gần một năm nay ông Trần-Thanh-Mại đeo đuổi công việc tìm tòi ấy. Cái sức chịu khó và đức nhận nại của ông ta, nhiều bạn trong làng văn đã từng nói đến. Vậy ngoài ra những thư gửi đi của ông Trần-Thanh-Mại và những bức thư trả lời của quí ông có can hệ trong vụ án nầy, chúng tôi xin phụ vào hai bức thơ sau đây, gọi là chút tài liệu mọn hèn dâng lên đài văn học. Hai bức thư ấy, một là của ông Trần-Thanh-Tịnh ở hội Đô-Thành Hiếu Cồ và là nhà bỉnh-bút rất đắc-lực của báo Ngày-Nay, một nửa là của Trần-quân trả lời. Hai bức thư ấy đều có tính cách công khai.

Hiện dưới mắt chúng tôi đương có hai nguyên bản, mà không biết một sự tình cờ nào đã bắt lọt vào tay của chúng tôi vậy.

II

(Bức thư của ông Trần-thanh-Tịnh ở tạp chí Đô-Thành Hiếu Cổ gửi cho ông Trần-Thanh-Mại, ngày 28 Septembre 1936)

. . . .

« Nhân đọc bài : « Vua Duy-Tân với bài thi trên Sông Hương » anh đã đăng trên tờ Sông-Hương số 6, tôi thấy đoạn chép của Lệ-Chi có hơi lầm.

Sự lầm của Lệ-Chi vô tình đã kéo thêm sự lầm của anh, Nhất là sự lầm sau nầy làm cho tôi để ý và gửi anh phong thư nầy :

Một nhà khảo-cổ cần phải trọng sự thật, dầu sự thật ấy có vẻ tỉ-mỉ hay không cần ích lắm. Vậy mong anh biết cho và không bảo tôi là gàn khó chịu.

1·) Nhan đề bài thi chữ tây (mà ta lầm tưởng của vua Duy-Tân làm ra) là « Sur le fleuve des Parfums — Nocturne ».

2·) Bài thi ấy ở trên hai trang 157 — 158 chớ không phải 41-42.

3·) Dưới bài thi ấy đã ký F. G. H. lẽ tự nhiên là của một người Pháp nào làm rồi, chớ không thể quả quyết (như Lệ-Chi) của vua Duy-Tân làm được.

Muốn biết F. G. H. là ai thì thật là một việc rất khó, nhưng không phải không thể

tìm ra được.

Mưu mẹo và thì giờ sẽ là hai phương-pháp giúp tôi tìm ra tên thật tác giả bài thi chữ tây ấy sau nầy.

Vậy lúc nào tôi biết được sẽ tin để anh hay.

Thôi chào anh.

THANH-TỊNH.

III

(Bức thư của ông Trần-thanh-Mại đáp lại)

Huế, ngày 3 Octobre 1936

Anh Thanh-Tịnh

Được thơ anh tỏ bầy về bài « Vua Duy-Tân và bài thơ Trên sông Hương » của tôi đăng trên tờ Sông-Hương số 6, tôi rất cảm tạ anh về tấm thịnh tình anh đối với tôi và tấm lòng nhiệt thành mà anh để vào các vấn-đề văn học.

Theo chỗ tôi biết, ở xứ ta, một người thờ phụng sự thật và chịu thương chịu khó như anh thật ít có.

Về chữ Rivière tôi xin chịu là lầm. Nếu cái lầm ấy, của tôi, mà có vẻ quan trọng hơn thì tôi lập tức xin tuyên bố lên mặt báo cho cả toàn thể độc giả cùng biết để

khôi phục lại chân lý đã vì tôi mà sai lạc. Nhưng tôi thiết tưởng cái đầu đề « Sur le fleuve des parfums » ấy là đầu đề đệm của bộ biên tập trong tạp chí, chớ tác-giả thì chỉ đề một đầu đề « Nocturne » mà thôi. Nocturne đây không có nghĩa là « thuộc về ban đêm » Nó là tiếng tỉnh từ chỉ một loại thi ca, có tính cách nhẹ nhàng, buồn bã, cũng như ta làm một bài ca mà ở trên ta đề: Nam ai, hay Nam bằng, hay Vọng cổ, thế thôi. Vả thường người ta hay nói, « La Rivière des Parfums », thành thử khi viết mau tôi theo thói quen mà quên để ý đến chỗ đó.

Về số trang 157-158 theo anh đã nói, thì hiện bây giờ tôi vẫn còn ngờ không biết anh lầm hay là tôi lầm. Hay là cả đôi ta cùng đúng? Vì tôi đã lật lại quyển Tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cổ của tôi, bài thơ vẫn còn nằm ở trang 41-42 đúng ở chỗ trước kia tôi đã thấy nó. Xin nói thêm rằng số tạp-chí của tôi là một số đặc biệt nói riêng về Huế, nhan đề là « Huế pittoresque ».

Sau cùng về ba chữ F. G. H. anh quá quả quyết đó là chữ ký của một người Pháp. Sao vậy? Có lẽ anh cho nó là ba chữ cái đứng đầu tên như François-Georges-Huron

chẳng hạn? Anh không nhìn thấy nó liên tiếp nhau theo thứ tự A, B, C, như X, Y, Z hay O, P, Q, đấy sao, nghĩa là nó có thể là những chữ ta đặt không ra lắm, nó có thể không liên lạc gì với tên thật của tác-giả lắm. Ta cũng không nên vì những chữ cái đặc biệt «tây» ấy mà quả quyết rằng tác-giả chính thực là một người tây.

Dẫu sao tôi cũng xin có lời tán phúc anh vì cái nhiệt tâm anh đã để trong sự suy cầu chân-lý và một lần nữa xin cám ơn anh về cái hảo ý anh muốn giúp tôi.

Kính thư.

Trần-thanh-Mại

IV

Hai bức thư trên này chúng tôi xin để quyền phẩm bình lại cho bạn đọc. Dầu bức thư của ông Thanh-Tịnh có chân thật hiền lành hay bức thư của ông Trần-thanh-Mại có khiêm tốn nhã nhặn cái đó chúng tôi không có quyền nói đến. chúng tôi đăng những tài liệu này lên chỉ cốt phụ vào vụ án Duy-Tân, và hơn nữa để giải rõ một điều trong ấy mà thôi.

Chúng tôi muốn giải rõ vì sao ông Thanh-Tịnh lại nói bài thơ «Nocturne» nằm về

số trang 157-158 còn ông Trần-thanh-Mại lại nói ở số trang 41-42.

Thế ra nó chỉ thế này: Số tạp chí của ông Trần-thanh-Mại là số tạp chí Đô-thành Hiếu-cổ xuất bản đặc biệt (tirage à part) lấy tên là Huế đẹp (Hué pittoresque). Thành thử như lời Trần-quân đã nói thì hai đàng cùng... đúng mà chẳng ai lầm cả!

V

Đến đây chúng tôi tưởng đã dừng bút được. Nhưng chúng tôi vừa rồi lại có đọc trong báo MAI số 1 ra ngày 4 Septembre « Nhân bài thi tương-truyền của vua Duy-Tân, nhớ lại nhiều thi-văn mà người ta ăn cắp giùm Mạc-đĩnh-Chi và Nguyễn-thị-Điểm » và trong Phổ-Thông số 41 ra ngày 16 Septembre bài « Khiêm-tốn đến thế là cùng ». Trong hai bài đó, hai bạn đồng nghiệp rất yêu quí của chúng tôi đã làm giùm chúng tôi cái công việc truyền-bá sự khôi-phục chân lý mà một mình chúng tôi làm không nổi. Vậy hai bạn đồng nghiệp có thể tìm thấy những lời cảm tạ thành thực ở đây.

Tuy nhiên sau khi đọc những bài đó, chúng tôi cũng phải ngao ngán nhận rằng các bạn đã làm một việc mâu-thuẫn quá. Vì các bạn đồng-nghiệp trong lúc sợ làm

quảng cáo cho Trần-Thanh-Mại và cho tờ báo của chúng tôi đã sa vào cái hố mà các bạn muốn cho thiên-hạ tránh.

Báo MAI chỉ nói sơ qua về vụ án Duy-Tân và tên thật của tác giả bài thi « Trên-Sông-Hương » chớ không hề đả động đến người tìm ra chân-lý và tờ báo đã « dung túng » chân lý ấy.

Báo Phổ-Thông, tử tế hơn, viết :

« Gần đây, nhân vì ngờ vực, *rồi có người hiểu sự* (sic) gởi thư cho ông chủ bút tờ Đô-thành Hiếu Cổ là ông Cadière hiện đang còn sống mà hỏi thì té ra cha sanh bài « Trên sông Hương » ấy là ông Henri Guibier. »

Thấy chưa ? Các bạn đồng-nghiệp muốn cho người ta trả lại cho César cái gì của César nghĩa là cho tác giả nào cái danh dự mà đáng tác-giả ấy được hưởng vậy, nhưng vì chìu theo một tâm lý mà chúng tôi không muốn gọi là nhỏ nhen, các bạn đã làm trái lại.

Nói thế rồi, chúng tôi xin kết luận : Các bạn đã thiếu hẳn sự thật thà trong văn-chương (le manque de probité littéraire) cái điều-kiện cần nhất của một nhà văn.

NGUYỄN-THUẦN-HOA

(*Saigon Tiểu-Thuyết*)

TÂM SỰ TÔN-THỌ-TƯỜNG TRONG BÀI TÔN PHU NHÂN QUI THỤC (1)

AI cũng đều thuộc lòng bài thơ ấy, và cho nó là một trong những bài hay nhất của nền thi-ca cũ. Tác giả, Tôn-Thọ-Tường, nổi danh vì nó hơn vì các bài khác, hơn vì sự nghiệp làm quan của ông. Hầu hết các sách dạy quốc văn, phần nhiều các báo chí văn-học đều không bỏ sót nó và đều hết lời tán dương. Đến cả cái người thông-minh mẫn tiệp là ông Phan-Khôi mà cũng bị lôi kéo bởi nguồn

---

(1) *Yên ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng*
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc
Về Hán trau tria mảnh má hồng
Son phấn thà cam giày gió bụi
Đá vàng chi để thẹn non sông
Ai về nhắn với Chu-công-Cẩn
Thà mất lòng anh được bụng chồng.

cảm hứng chung, đến nỗi quên cả trí xét đoán nó đã phân-biệt ông với kẻ khác, cái trí suy-nghiệm nó làm ông thành ông Phan-Khôi, cũng như nó đã làm cụ Phan-Tây-Hồ thành cụ Phan-Tây-Hồ.

Trong quyển « Chương - Dân Thi - Thoại » ông Phan-Khôi cũng theo người ta mà phê-bình rằng bài thơ ấy có « ký thác », nghĩa là có bao hàm cái tâm sự riêng của tác-giả.

Ai cũng biết Tôn - thọ - Tường là người nho sĩ Nam-Kỳ, sinh vào khoảng đầu hậu diệp thế-kỷ thứ XIX, gặp lúc thời thế biến đổi, một phần tổ quốc mất quyền độc - lập' phải lép mình dưới uy quản trị của người Pháp. Bọn văn-minh trong nước chỉ nhìn thấy sự đau lòng lúc ấy, nổi lên kháng cự rất hăng. Tôn thì quá khôn ngoan, biết rằng :

« Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc,

cho nên quyết tâm :

Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay. »

Ấy chính là lời Tôn nói đấy, ở trong tập mười bài liên-hoàn tự-thuật của ông. lấy tư-cách kẻ lớn, Tòn không phản động mà còn vác thân ra làm quan với chủ mới. Tôn lại vui lòng nhận lấy cái tiếng khi

quá đáng là « trâu ngựa ».

« *Trâu ngựa dầu kêu chi cũng mặc,*
« *Thân còn chẳng kể, kể chi danh* ».

Tôn đem thân ra làm quan với người chủ lạ, ấy là kể đến thân lắm đấy chứ, sao lại bảo rằng không ? Dù thế nào mặc lòng, xuyên qua các bài thơ tự-thuật kia của Tôn, ta vẫn thấy đượm một vẻ băn khoăn chính đáng như là sự thú tội của một lương tâm không yên, cùng là sự thanh-minh cho một cử chỉ đáng chỉ-trích, để mong cứu vãn lại một ít danh, trước con mắt người đương-thời và người hậu-thế.

Tuy là bảo rằng :

Thân còn chẳng kể, kể chi danh.

chớ như thế là đã kể đến danh nhiều lắm, vì nếu không kể chi thì hà tất phải làm thơ tỏ tâm sự, hà tất phải kể lể lôi thôi. Chúng ta nên thấu cái điểm lương-tâm ấy của ông, mà tha-thứ cho ông, nếu ông quả thật là có tội.

Nay ta thử xét bài vịnh « Tôn-phu-nhân qui Thục » có ôm ấp mối ký-thác nào của tác-giả không. Và nhân-tiện thử phê-bình luôn nó, cả về ý lẫn thể, để xem nó có xứng với cái địa vị mà hiện giờ nó đang hưởng không ?

Ai cũng biết sự-tích ấy rồi. Tôn-phu-nhân là em gái Tôn-Quyền, chúa nước Đông-Ngô, đời Tam-Quốc. Quyền nghe theo mưu của quân-sư là Công Cẩn Chu-Du, làm bộ cầu thân với Lưu-Bị, chúa đất Tây-Thục, kêu Bị qua gả em gái cho, để dụ Bị vào một cuộc mai-phục mà giết đi. Bị qua Đông-Ngô nhưng đã có sẵn một phản kế của Khổng-Minh. Một ông cậu hiếu-sự và hay trách, một bà mẹ chỉ biết trọng danh-dự trong lời nói, làm cho công-việc của Tôn-Quyền thất bại, đã mất em toi mà kẻ thù nghiễm nhiên được thêm người vợ đẹp. Tôn phu-nhân phải theo chồng, hành lý lên đường.

Yên ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng
Ngàn thu rạng tiết gái Giang Đông.

Giọng thơ trong hai câu đầu mới đưa ra là đã thấy xuất-sắc và tỏ rõ một tay thầy. Nó nhẹ nhàng, êm ái, như một đợt mây lượn trên một nền trời quang đãng xanh tươi, và vi vu phơn phớt như một cơn gió hiu hiu của một buổi chiều quạnh quẽ, không khỏi có vướng đôi chút tơ buồn. Cho nên người đọc thơ không phải ngạc nhiên khi thấy người làm thơ hạ xuống câu thứ ba. Mạch thơ từ đầu đã chảy như một giòng dầu trên một giốc xuôi. Câu

trước đã sửa soạn cho tình cảm người đọc sẵn sàng để hứng đón câu tiếp theo.

Lìa Ngô *bịn rịn* chòm mây bạc....

Không còn câu gì hay hơn để tỏ nỗi tâm sự của người con gái đi xa trên con đường về nhà chồng, mà nhớ đến nhà mình, nhớ đến cha mẹ mình. Hay quá là hai chữ « bịn rịn ». Tôi nói đúng « quá » vì chính hai chữ rất đúng ấy, rất khêu gợi, rất linh-động ấy sẽ làm thương tổn cho câu sau nhiều, khi nó kéo theo nó hai chữ tai hại « trau tria ».

Về Hán trau tria *mảnh má hồng*.

Nói đến trau tria một vật gì, tức là nói đến sự tô dồi trang-điểm vật ấy, đến sự cố ý làm cho đẹp mắt người mà mình đem trình vật ấy. Chữ trau tria phải bao hàm những ý nghĩa làm đỏm, đĩ điếm, giả dối, mà ở trong trường-hợp hiện-tại, lại còn mang thêm một ý nghĩa tà-dâm nữa. Vì sao tôi lại không nói rõ ra, sự trau tria của Tôn-phu-nhân bắt người ta liên-tưởng, ngoài sự đánh phấn thoa son của nàng ra, đến cả sự tắm rửa, đến cả sự lau chùi và sự ướp thơm của mỗi bộ phận trong người nàng nữa! Sự thật thì Tôn-phu-nhân ở vào tình cảnh nào? Nàng đi lấy chồng chỉ vì tuân theo lời mẹ, chỉ vì giữ cho trọn lời hứa giối trá của anh. Cất thân ra đi ở chỗ

đất khách quê người, nàng chỉ làm theo mệnh lệnh của đạo cang thường. Nàng đã liều mình mà nhắm mắt đưa chân. Nàng chỉ « vẹn chữ tòng » đúng như lời tác giả đã nói. Thế thì nàng còn vui thích gì đâu mà bảo nàng « trau tria ». Sao tác-giả lại không để chữ « thờ ơ » :

Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán thờ ơ mảnh má hồng....

Phương chi, trong hai câu 5, 6 tác giả đã tả được rõ ràng sự miễn cưỡng của Tôn phu-Nhân, cái tình trạng « vạn bất đắc dĩ » gây nên bởi một lời hứa hẹn mà người quân-tử phải coi như là đá vàng, không thể phai lạt được.

Son phấn thà cam dày gió bụi
chớ
Đá vàng chi để thẹn non sông...

Nay muốn cho toàn bài vẫn giữ được cái ý « cực chẳng đã » ấy, thì hai câu 3, 4, có thể đổi lại như thế nầy :

Trời Ngô luống gởi chòm mây bạc
Tay Hán đành trao mảnh má hồng.

. . . .

Ai về nhắn với Chu công Cẩn...

Cái người đã bày ra cơ mưu để cho nàng bây giờ phải chịu đựng một cuộc đi đầy oan ức nhường ấy, chính là Chu công Cẩn.

Nhắn nhủ với anh chàng ấy là phải lắm. Nhưng mà nhắn cái gì ?

Thà mất lòng anh được bụng chồng !

Thôi rồi ! tôi đến phải vứt quản bút mất thôi !

Sao mà một người đã biết tự hy-sinh vì nghĩa vụ mà lại có thể đê-tiện đến thế ? Phải chi Tôn-phu-nhân kết duyên cùng Lưu-Huyền Đức đã lâu ngày, nhờ thời-gian, giữa hai người đã gây nên một mối tương thân tương ái khăng khít ràng buộc lấy nhau thì người ta mới có thể công-nhận sự muốn « được bụng chồng » của phu-nhân. Ở đây, Tôn-phu-nhân và Lưu-bị chưa từng quen biết nhau, nàng đối với Lưu hẳn chưa có một mảy may tình tứ nào thì làm sao có ý làm cho được bụng chồng mà đến nước phải mất lòng anh ? Không khéo người ta sẽ tưởng cái ý dâm đãng ở trên câu « trau tria » lại còn trở lui lại mất, và người ta sẽ cảm thấy ở cử-chỉ Tôn-phu-nhân một sự hoảng hốt nóng nảy muốn lấy chồng.

Vả chăng, nếu chỉ phải nhắn một câu bỉ ổi như thế, thì hà tất phải nhắn đến Chu-Công-Cẩn ? Khi mình đã khinh rẻ mình như thế, khi mình đã chỉ biết nghe theo những thúc dục của xác thịt quá tuổi như thế, thì cứ cúp tai nhắm mắt mà đi, chớ còn gây

sự với ai làm chi nữa, còn tuyên bố sự liều lĩnh của mình lên làm chi nữa.

Phan-văn-Trị, một nhà nho sĩ đồng thời và cũng là bạn thân của Tôn-thọ-Tường có họa bài thơ « Tôn phu-nhân qui Thục. Đến hai câu sau Phan làm :

Anh hỡi Tôn-Quyền anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng ?

Câu kết này có ý nghĩa, hơn câu của Tôn, nhưng nó lại không ăn với câu luận.

Anh hỡi Tôn-Quyền anh có biết ?

Tôn quyền đã là chúa rồi thì còn thờ chúa nào nữa ? Và còn ngay với ai ? Nay ta đem câu kết của ông Trị, thay đổi chút it đề cho đúng điệu luật rồi thế vào câu kết quá tệ hại của ông Tôn :

Ai về nhắn với Chu công Cẩn
Trai biết ngay vua, gái trọn chồng...

Thì nó sẽ hoàn toàn biết bao nhiêu, nó sẽ diễn tả được hết cái tâm sự của Tôn-phu-nhân, những nỗi khổ-tâm kiên nhẫn của nàng. Nó có nghĩa là :

« Hỡi Chu-công-Cẩn, vì ai mà sinh ra cơ-sự thế nầy, để cho ta phải hy sinh hết cả hạnh phúc của đời ta ; hỡi Chu công Cẩn, người đã coi thân ta như một miếng mồi và đã vụng về đến nỗi không câu được cá, mà phải để cho cá cướp mất mồi đi ! Ngươi

là phận trai thờ chúa, ngươi nghĩ ra mưu nầy kế nọ, là cốt để giúp chúa cho hết lòng ngay. Dẫu sao ngươi cũng đã làm hết bổn phận ngươi. Cũng như ta ra đi bây giờ, là làm cho hết bổn phận của ta, cái bổn phận con gái trọn đạo với chồng. Vậy thời ta nhắn với ngươi hãy thấu hiểu cho ta nỗi ấy mà đừng trách ta, cũng như ta đã hiểu thấu và không trách ngươi vậy : »

Yên ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông.
Trời Ngô luống gửi chòm mây bạc,
Tay Hán đành trao mảnh má hồng.
Son phấn thà đem dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Chu-công-Cẩn :
Trai biết ngay vua, gái trọn chồng ;

Tâm sự Tôn-Phu nhân là thế, phải là thế. Còn tâm sự Tôn-thọ Tường là cái tâm sự của kẻ không cự lại người khách lạ đến xâm chiếm đất nước mình, mà còn hùa theo giúp họ. Bảo rằng đất Nam-kỳ chính vua Tự-Đức đã ký giấy nhường lại cho người Pháp rồi ư ? Nhưng há vì thế mà một nhà nho-sĩ được nói câu : « Thà mất lòng anh được bụng chồng » ? Có đâu Tôn lại càn dỡ đến thế ?

Ở Trường hợp nầy, chỉ có một cách xử

trí toàn vẹn. Cách ấy, một người đã làm, và làm ngay trước mặt Tôn nữa. Người ấy vì thế đã để lại cho toàn thể dân Việt-Nam cùng với một áng vinh-dự chung, một mối tự hào chính đáng : Phan-thanh-Giản.

Cho nên về những thơ ký thác của Tôn-thọ-Tường, bao giờ tôi cũng ưa bài « Từ Thứ » qui Tào » hơn.

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi ?
Muối xát lòng ai nấy mặn mòi.
Ở Hán hẳn nhiều rường cột cả,
Về Tào chi sá cỏ cây còi
Nhớ ơn từ mẫu khôn nâng chén,
Nặng nghĩa quân-vương khó giở roi
Chẳng đặng khôn Lưu đành dại Ngụy,
Thân này xin gởi ngoại vòng thoi !

Những câu ấy có thể tiêu biểu một cách đứng-đắn hơn cho mối tâm sự mặc dầu giả dối hay là chân thành của kẻ hàng thần. Nhưng đó lại là chuyện khác.

(1939)

ÔNG VÕ-LIÊM-SƠN VÀ LÝ THUYẾT BỘ XƯƠNG

TRONG một kỳ thi Sơ-Học đâu đây người ta có ra cho thí-sinh một đầu đề bài luận như thế này: « Thử kể hai người anh thọ ơn nhất trong đời anh? Hãy nói tại làm sao ». Chín mươi chín phần trăm thi-sinh đều kể có cha và có thầy học. Mà ở thời nào cũng vậy, dù nhớn dù nhỏ, đã đi thi ai lại dại chi mà nói trái ngược với ý quan trường.

Cho nên các quan dù phải một phen chán như ăn cơm nếp nát, cũng phải lấy đỗ tất cả. Những tư tưởng hợp với luân lý như vậy, ai còn nỡ đánh hỏng? Phương chi các qnan trường, nếu không hẳn đã là cha hết thảy, cái chắc chắn là ai nấy đều đã làm thầy. Trong khi người ta đồng thanh nịnh mình một cách sốt sắng như vậy, cho dẫu chính đáng hay không, lẽ cố nhiên là các ngài cũng lấy làm tự đắc mà trở nên

rộng rãi hiền lành.

Nhưng nếu tôi ở vào địa vị ấy, tôi lại không nghĩ thế, tôi có những lý-ưng vững vàng. Thầy, tôi chưa được làm. Nhưng cha, thì tôi đã là cha đối với con tôi, suy đi xét lại, tôi chưa thấy có lấy một tý ơn nào.

Sinh con ra, chỉ vì một sự ngẫu nhiên huyền bí của một đêm... tôi không nói là ái ân, mà chỉ là hòa thuận. Vợ chồng bây giờ lấy nhau là đề mà rầy lộn nhau, đề khỏi phải hòa-thuận. Nhưng gây sự với nhau mãi, cũng chán, phải nghỉ một lúc đề sau cuộc xung đột mới được hăng hái hơn, dữ dội hơn. Thì chính nhờ có những phút đình chiến ấy mà đứa con ra đời. Mà ra đời được, đứa bé đã làm được một việc tài tình phi thường ! biết bao nhiêu người đã dùng hết cách đề đừng cho nó ra. Mới bước đầu, nó đã phải tự dùng lấy cái tài riêng nó rồi, sau này nó làm gì được, cha mẹ đừng có kề là nhờ công ơn mình.

Nếu gặp phải ông cha u-mê đần độn, hoặc bệnh hoạn, ốm yếu, suốt đời con phải khờ dại, tật nguyền: trong cuộc vật lộn đề dành sự sống chung nó đành chịu lấy phần thiệt thòi, thua sút, nếu không phải làm miếng mồi cho kẻ mạnh, đánh

thịt. Trong thế-giới, trừ ra một đôi trường hợp tối ư đặc biệt trong ấy cha sinh con ra là đặt lên ngai vàng thì không nói, còn sinh ra để suốt đời nó đầy cầy kéo xe, thì ai đã lỡ dại sinh con ra cũng nên lẳng lặng mà nhớ lấy tội ác của mình, chớ đừng mong kể ơn với ai. Đời là khổ, gán đời cho ta là gán cái khổ cho ta. Linh hồn ta phiêu diêu giữa hư không, như con chim giữa trời đất bao la. Bắt nó nhốt vào lồng mỗi ngày cho một dúm gạo với một vỏ hến nước lã, họ không hiểu mối ích kỷ, mối thất đức của họ mà còn tưởng thế là ơn ! Thuyết luân hồi nhân quả của nhà Phật, thật vẫn có cứu những ông cha, cãi cho các cụ được trắng án đối với con cái. Nhưng luôn thể, nó lại cất hết cả những công ơn mà mấy cụ vẫn kể với con mình Đã là nhân quả, thì nghiệp nào theo nghiệp ấy, không thể thay đổi, ai nấy đều đóng những vai thụ động, muốn không được mà không muốn cũng không được. Án của nghiệp trướng tuyên ra như thế nào, phải cúi đầu chịu theo như thế ấy.

Còn nói thầy. Đời xưa kia, mỗi học-sinh chỉ suốt đời thụ giáo với một vài ông, và chỉ học thuần những đạo lý lễ nghĩa Nếu may gặp được một đấng siêu nhân

thượng trí, có thể trút cả tâm hồn cho môn đệ, có thể hóa chúng nó thành những bậc cao-sĩ như mình. Ngày nay các thầy chỉ phải dạy cho học trò xắp giấy bìa làm hình ba góc, bẩy góc dán vào vở, hoặc dạy cho chúng biết rằng hột lúa bóc vỏ rồi gọi là hột gạo, với lại con chó có bốn chân, một đầu và một đuôi. Thầy thì mỗi năm đổi mỗi ông, cho đến lớp cao đẳng tiểu học, hoặc trung học thì mỗi giờ lại đổi một ông. Giảng bài xong, thầy cắp cặp thầy đi suốt năm có khi không gọi đến tên học trò, mà nếu có gọi, cũng chỉ gọi trống cái số hiệu ở sổ.

Như thế mà bảo học trò phải mang ơn thầy là mang ở những dịp nào ?

Tôi có biết một ông nhà thơ, nhân nói về tình mặn-nhạt ở đời đã cắt nghĩa hai tiếng ấy bằng hai câu thơ trào - phúng, thâm thúy và xác đáng lắm :

« *Lạt-lẽo thầy trò khi bãi học,*
« *Mặn-mà trai gái lúc chưa « chơi »*.

Nhưng mà tôi thấy các bạn đã muốn gắt tôi : « Thế thì anh chịu ơn ai nặng nhất, nói nghe » Tôi xin thưa rằng : « Hai người tôi mang ơn nặng nhất là... lại là cha tôi và thầy tôi ». Tôi không khôi-hài đâu. Tôi không muốn khôi-hài một chút

nào cả,

Tôi không dám nói tại sao đối với cha, tôi mang ơn nặng. Tôi tưởng làm như thế khi khiếm nhã. Cha mình, mình hâm mộ, kính phục trong lòng, không lẽ bắt người ta phải nghe những đều cố nhiên và vô-ích ấy. Chỉ một cái cho tôi biết rằng cha đối với con không có ơn chi, cha tôi đối với tôi đã có ơn rất nặng.

Nhưng đối với thầy thì sự ái-ngại của tôi, không còn có lý nữa. Và nếu tôi không thừa dịp này mà mảy may tỏ chút biết ơn thì sự nhớ ơn với quên ơn chẳng hóa ra như nhau mất.

Kể thầy học, thì từ khi đưa bàn tay ếch gạch những chữ nhất lên tờ giấy bản lồng ba, tôi có không dưới nửa trăm ông. Nhưng người định quyết chí hướng tôi, người đã chỉ vạch con đường tôi phải đi theo, người đã đào tạo cái đời văn-tự của tôi, người ấy chỉ là một : ông Ngạc-am Võ-Liêm-Sơn. »

Tôi bản sinh ưa thi-ca và những việc hoang-đường mộng-mị. Ông đã bắt tôi đi vào lối thực tế. Tôi vốn ham chuộng những cảnh thiên-nhiên của vũ-trụ ; ông muốn cho tôi ham chuộng những lý do đã cấu tạo ra cảnh thiên-nhiên ấy. Tôi

vốn ưa tưởng rằng mọi việc ở đời đều là sự thật ; ông cho tôi hiểu tất cả những cái giả dối ở trong. Tôi chỉ một cá hình ; ông bắt tôi phải nói đó là cái bóng. Tôi ưa tin ; ông bắt tôi phải luận-lý. Cha tôi bảo : « Mày học theo các bậc thánh nhân hiền-triết ». Thày tôi dạy : « Phải để cho óc tự do. Anh không theo một người nào hết! » Cha tôi cho tôi một con tim để cảm động yêu thương. Thầy tôi cho tôi một khối óc để phê-bình xét đoán : người sau tiếp tục cái công-trình của kẻ trước.

Bây giờ nếu tôi bất thành nhân cách, dở dở ương ương, nửa khôn nửa dại, ấy là tại tôi u mê, cái đó không dám trách ai được.

Mà có lẽ vì cái dở dở ương ương ấy mà nay tôi lại không đồng ý với thầy tôi. Hẳn ông buồn thấy học trò ông phản lại tư tưởng ông. Nhưng... « Anh không theo một người nào hết » thầy tôi đã bảo. Vả chăng cũng có cái ông phải lấy làm bằng lòng, không hoàn toàn tiếc công dạy dỗ : là sự thành thực của tôi, sự thành thực mà theo lời ông, tôi bao giờ cũng thờ như một vị thần.

Năm 1925, ông Ngạc-Am Võ-Liêm-Sơn

viết xong quyển Cô-Lâu Mộng. Sách chưa in thì quyển Hài-Văn của ông bị cấm, kế đến ông bị bãi chức, rồi buộc vào vòng tù tội. Ra khỏi ngục thất, ông lại tự giam mình trong một ngục khác: Ông về ở ẩn nhà quê, không thèm chung đụng với xã-hội, không thèm để ý đến một việc đời gì nữa.

Đúng mười năm sau, Cô Lâu Mộng ra đời. Trong khoảng mười năm, trào lưu tư tưởng Việt-Nam, cũng như hình thức văn-chương của ta đã thay đổi một cách mau chóng bất ngờ; một khoảng mười năm tiến hóa bằng hai ba muơi năm ở các nước đã đi trước ta. Những nước hậu tiến thường thường được hưởng cái lợi rất to về thời-gian, nhờ cái là nước văn-minh đã phải khó khăn chậm chạp tự tìm đường cho họ, nhân thế mà vạch sẵn con đường ấy cho mình.

Ông Ngạc-Am, nằm trong tháp ngà của ông đã tự xây, thấy mà không hiểu vì sao quyển Cô-Lâu-Mộng bị thất bại ngay khi nó mới ra đời.

Dân Việt-Nam 1935, vui tính, yêu đời, muốn sống. Chuyện Ứng-Mộng là chuyện bi quan, ghét tục, tránh người. Văn Việt-Nam năm 1935 đi về con đường thiết thực, tả

chân, xã-hội, khoa-học. Văn Cô-Lâu-Mộng thì biền ngẫu, du dương, trừu tượng, cổ điển.

Ngoài những nguyên-nhân vật chất đã kể trên, và đã gây nên cuộc thất bại của Cô-Lâu-Mộng, tôi tưởng còn trông thấy một nguyên-nhân tinh-thần nữa: sự đề-xướng « lý-thuyết bộ xương » như nhan đề sách đã nêu ra.

Ứng-Mộng, một anh chàng khác tục, không chịu ở trong khuôn khổ chật hẹp bẩn thỉu của đời, quyết tìm một lý-tưởng cao-siêu hơn, nó sẽ là mục đích của đời chàng, cái cớ để cho chàng sống. Tự mắc mưu cha, chàng rơi vào bẫy ái-tình, yêu cô Dương-hoa mà chàng cho là cái lý-tưởng chàng hoài bảo bấy lâu. Quanh quẩn mãi trong cái-mê hồn-trận mà chính Dương-hoa là viên tướng cầm quân, một hôm đau nặng, chàng nằm mê thấy người yêu lần lần hóa ra một bộ xương khô. Cũng như nhà hiền-triết Hy-Lạp trần-truồng trong nước nhảy ra mà kêu: « Ta tìm thấy rồi ! Ta tìm thấy rồi » Ứng-mộng cũng vùng ngồi dậy, nói to « Ấy là chân-tướng mỹ-nhân.» Ấy là chân-tướng mỹ-nhân ». Cho rằng mình đã tìm ra được chân-lý, chàng khỏe mạnh lại như thường và từ đấy thấy tắt lửa lòng, tuyệt nhiên

không yêu ai nữa.

Tưởng hiểu thấu được mọi sự giả dối ở đời, chàng muốn cứu đời mà chưa tìm ra phương tiện. Thành thử có chân lý cũng như không. Chàng còn phải đi tìm mãi. Sau một thời-kỳ gian nan rắc rối, đầy những chuyện kiếm-hiệp ly-kỳ, chàng phải trải qua, bực tức chàng lại cất bước ra đi, đi mãi, đi biệt tích, không biết về đâu.

Nhưng cái chốt, cái trụ của toàn chuyện như trên đã nói là cái lý thuyết mà tôi đã mạn phép gọi là lý thuyết bộ xương.

Đó là chỗ bất đồng ý của tôi.

Tôi tưởng rằng từ đời thượng cổ kia, trừ con trẻ lên ba, ai cũng chán biết đời người cho dẫu vinh nhục khác nhau, rốt cuộc lại chỉ là những nắm xương tàn chôn vùi dưới ba thước đất. Không phải là sau một thời kỳ tìm kiếm suy xét, lầm lạc, người ta mới thấu được cái lẽ hiển nhiên ấy, và coi nó như là một sự đại phát minh, đại sáng kiến, có thể xoay lộn cả vũ trụ, thay đổi cả cuộc đời. Không. Cái đêm Ưng-mộng nằm mê trên giường bệnh, thừa sống thiếu chết, tưởng tìm ra chân lý ấy, Ngạc Am tiên sinh không nên xem nó như là một đêm khác kia, trong một khu rừng Ấn-Độ, dưới bóng cây bồ đề, một ông hoàng tử tự giác

được mình và sắp đi giác thiên hạ.

Đời người, ai cũng như ai, rốt cuộc chỉ là bộ xương hết thảy. Tác giả Cô-Lâu-Mộng cho rằng sự biết ấy đã giết chết trong lòng Ứng Mộng hết cả tình yêu. Đó là chỗ tôi không chia xẻ được. Tôi tưởng rằng chính vì sự biết ấy mà tình yêu của chúng ta càng thêm hăng hái, mặn nồng, bền chặt. Tôi lại cho rằng xưa nay ở trên thế gian, người ta yêu nhau chỉ vì có thế, và nếu không thế thì không có cuộc đời.

Tại sao cha mẹ mới sinh con ra lại yêu con ngay? Tại cha mẹ biết rằng ở nơi chúng nó, cái vỏ thịt đo đỏ mềm mềm, chỉ bọc lấy một bộ xương khô, mà nếu không khéo nuôi nấng, đùm bọc, thì vỏ thịt kia sẽ mất đi, chỉ chừa lại bộ xương khô ấy? Vợ chồng anh em, bè bạn, người đồng loại với nhau, sở dĩ thương yêu nhau, chỉ vì ai nấy đều biết rằng có một ngày, người thân mình sẽ hóa ra một bộ xương, mà ngày ấy không biết là mai, kia, hay ngay bây giờ.

Một cái thí dụ : hoa. Bởi vì tính chất của hoa là sớm nở, tối tàn, người ta mới yêu quí hoa, săn sóc, vun quén cho hoa. Nếu biết rằng trải trăm vạn năm, hoa vẫn còn hoa, thì không ai còn trồng hoa làm chi nữa.

Trong các giống hoa, có hoa quỳnh là dị kỳ hơn hết, hình thức chẳng ra hoa chút nào. Thế mà mỗi lần hoa quỳnh nở, người ta rủ nhau rầm rột đi xem, như đi xem lợn đẻ ra voi. Chữ hoa được một phen hãnh diện với bà con, thôi thì vồn vã nói cười, giới thiệu cái vật mà ai nấy đều cho là kỳ quan của vũ trụ, một triệu chứ báo một sự may lớn cho nhà chủ. Tôi còn nhớ năm xưa, hai ba tờ tân văn trong Nam đăng chuyện hoa quỳnh nở lên báo, lại chụp ảnh, in cả hình hoa, như muốn đời đời lưu lại một dấu tích đã đi qua trong chớp mắt. Thì ra giống hoa quỳnh chỉ nở được có vài giờ là đã tàn, đã héo!

Nay nói riêng về ái tình giữa hai trai gái. Ta yêu một người đàn bà đẹp, vì ta biết cái đẹp ấy không phải vĩnh viễn, trường cửu, mà trái lại, một mai một chiều ta có thể mất như không. Ta có thể biết rằng khuôn mặt tròn trĩnh kia, có một ngày sẽ méo móm đi; nước da mơn mởn kia sẽ răn reo xanh xám đi; mái tóc mây tha thướt kia sẽ bạc và rụng dần đi, cái thân hình đầy đặn dịu dàng kia sẽ gầy mòn đi, hóa ra cứng cáp như một bộ xương, để một hôm hóa thành một bộ xương hẳn.

Vì thế mà trong khi khuôn mặt của mỹ-

nhân còn là khuôn mặt trái xoan, nước da còn là nước da lòng trứng, mái tóc, mái tóc mây đen láng, ta phải yêu mau, yêu gấp, yêu bằng tất cả tâm hồn tráng kiện của ta, yêu bằng một sức hoảng hốt lo sợ, yêu như khi một trong hai tình nhân bị kết án tử hình, hai thanh niên nam nữ vừa yêu nhau vừa trông người ta sửa soạn máy chém.

Để tôi kể độc giả nghe một câu chuyện nầy, gọi là chnyện chó chết đi, vì chính thật là một chuyện chó chết :

« . . . Bên vỉa hè, một buổi sớm mai mùa hạ, người ta thấy một con vật chết nằm co bốn cẳng lên trời, như một con mẹ dại thất tình phơi cả cái bụng hôi hám, ghê tởm. Ánh nắng mặt trời chiếu xuống, như muốn nung đốt cho thật chín cái cục thối tha kia. Ruồi nhặng kêu nhao nhao xung quanh con vật. Những đàn dòi đen thui, béo phệ, từng bè, từng lũ, nhô nhúc bò dọc, theo những thớ thịt nát bét, như một thứ nước gì đặng-đặc chảy êm . . . .

« Sau những đống đá, một con chó đứng rình, lo lắng, lườm khách qua đường bằng một con mắt tức giận, chỉ chờ dịp vồ ra lấy lại miếng thịt còn sót nơi bộ xương khô...»

Đại đề chuyện chỉ có thế. Không phải tôi đặt ra nó được đâu, Nguyên văn là một

bài thơ kiệt tác của nhà thi sĩ Charles Baudelaire, mà tôi lược dịch ra như vậy đó. Tôi cốt muốn nhắc đến cảm tưởng của nhà thi - sĩ khi thấy xác con vật chết ở bên vệ đường, thi nhân khi ấy nghĩ cái gì ? Ông ta gọi tình nhân mà bảo :

— « Em ôi, Tiên nga của ta ! Ái tình của ta ! em rồi ra cũng giống như đống nhơ đống thối ấy. Một ngày kia, dưới những lớp cỏ xanh, hoa thắm, thân thể em sẽ mục nát theo những đống xương khô khác mà thôi ! Lúc bấy giờ, hỡi người Đẹp của ta ơi, em hãy nhắn bảo với con bọ nó ăn em rằng dầu thế nào, ở trên nầy ta vẫn giữ mãi cái hình thức xinh xắn của em, cái tinh thần thiêng liêng của em vậy ! » — (Charles Baudelaire — Les fleurs du mal—)

Ta xem một thi-sĩ nhiều trí tưởng tượng như Baudelaire, tự hình dung cái cảnh tượng ghê gớm một ngày kia của mỹ nhân, chỉ cầu giữ mãi hoài trong tâm hồn cái hình ảnh của tuổi xuân đẹp đẽ, để hoài mãi yêu thương.

Cũng như dân La-mã đời xưa. Dân La-mã đời xưa là một dân tộc mà trong đời chỉ làm có ba chuyện : đánh giặc, yến ẩm, và dâm dục.

Họ có một cái tục rất ngộ. Trong những

cuộc đại yến mà không bao giờ họ không cho cùng dự những đàn bà lõa lồ, cũng không bao giờ họ quên để ngay giữa căn phòng trên một chiếc bàn cao, một bộ Xương khô, chủ ý là để nhắc họ nhớ cái kết quả sau cùng của mỗi đời người, và thúc giục họ phải chơi ngay, chơi gấp, chơi «thả cửa».

Chơi cho liễu chán hoa chê,
Cho lăn lóc đá, cho mê mẫn đời...

Dân La-mã hồi ấy là một dân tộc giản dị, thô lỗ, Làm như thế, chẳng qua là họ nêu bầy ra thật rõ rệt một lẽ tâm-lý kín đáo ẩn nấp trong lòng mọi người đó thôi.

Ông Ngạc - Am dề xướng lý thuyết bộ xương « đã rũa » vào luật tâm lý. Tôi không biết ông dùng những chất gì mà tạo ra Ưng-Mộng. Chớ cái tôi biết chắc là ông không theo cách của Hóa công đã dùng để tạo ra Người. Quá tự do không thèm theo ai, lắm khi cũng có hại.

Người ta sở dĩ hoan - nghênh một cuốn tiểu thuyết, một quyển thi ca, vân vân... là nhờ nhân vật ở trong, hoặc nhân, hoặc vật, cho dẫu có những thủ đoạn phi thường, có những tính cách kỳ dị đến đâu, thế nào cũng có một chỗ giông giống ta, hay ít ra cũng gần gần ta. Loài người là một giống

thờ lòng tự ái đến cực điểm. Nếu ta thấy một nhân vật nào mà không có một tý gì như ta, không có một mối gì liên lạc với ta, thì ta coi nó như khác nòi giống mà không thèm để ý đến bao giờ.

Những tác phẩm nghệ thuật, mà nhân vật khác hẳn ta về tính cách, về tình cảm về hành vi, ta chỉ xem nó như là những tác phẩm giáo khoa, những sách đại-số-học, vật-lý-học, những sách nói về phép nuôi gà hay khảo cứu các thứ gỗ trên thế giới mà thôi.

Anh chàng Ứng-Mộng, vai chủ động của Cô-Lâu-Mộng, chẳng có lấy một tý gì của ta cả, chẳng có lấy một tí gì của loài người cả. Bảo người đọc chuyện ham mê thế nào được chuyện?

Ông Ngạc-Am bắt Ứng-Mộng suốt đời lang thang đi tìm chân lý một cách si mê tuyệt vọng như con ma cụt đi tìm đầu mình, ông đa sự thế thôi, chớ phải đi đâu xa? Chân lý ở chung quanh ta, ở trong ta. Những cái giả dối, những cái lầm lạc của ta gồm lại thành ra chân lý. Mới sinh ra, mỗi chúng ta đã nắm chắc lấy nó cho đến hồi xuống lỗ mới buông ra, chúng ta còn phải tìm tòi đâu nữa?

(1936)

SÁCH NÀY IN TẠI NHÀ IN THỤY-
KÝ 98 PHỐ HÀNG GAI HANOI
XONG NGÀY 10 MARS 1942.

Imp. Thụy-Ký Hanoi

Giá 0$85